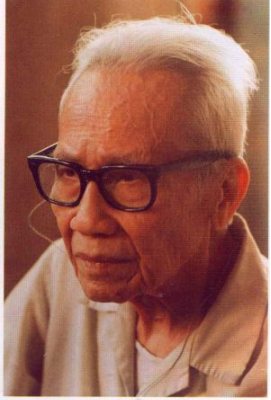


4- Soạn giả LÊ HOÀI NỞ (NĂM NỞ)

NGƯỜI VIẾT TUỒNG CẢI LƯƠNG TRÀO PHÚNG DUY NHẤT ở VIỆT NAM .

Soạn giả Lê Hoài Nở (Năm Nở) mất ngày 25 - 05 - 2000, tức 24 tháng 4 âm lịch Canh Thìn, tại tư gia ở bờ sông Nhiêu Lộc (tên cũ sông Thị Nghè, Sài Gòn), thượng hưởng 92 tuổi



Tác giả Lê Hoài Nở.

Soạn giả Năm Nở là một soạn giả tiền phong ngành cải lương, đồng thời với các soạn giả tài danh Tư Chơi, Năm Châu, Tư Trang, Bảy Nhiêu, Mộng Vân, Duy Tân, Giáo Út. . . Những ai mê xem hát cải lương trong những thập niên từ 1940 đến 1970, thích vai PHÊ, nhân vật điên, trào lộng của quái kiệt Ba Vân trong vở tuồng “ Khi Người Điên Biết Yêu “, hẳn còn nhớ tên soạn giả kịch bản đó là “ Châu Trang Nở “, Châu là Châu Hồng Đào . một sinh viên y khoa Hà Nội, quê ở miền Nam, mê cải lương, đã có nhiều công lao xây dựng nghệ thuật Hát Bội và Cải Lương trong những thập niên 40. Châu Hồng Đào và Tư Trang,

Năm Nở cùng hợp soạn vở Khi Người Điên Biết Yêu. (CHÂU không phải là Năm Châu, diễn viên kiêm soạn giả tiền phong như trước đây có người lầm tưởng).

Lê Hoài Nở sinh năm 1909 tại làng Tân Hưng, huyện Lai Vung, tỉnh Sa Đéc. Thân phụ anh là ông cai tổng Hoài, địa chủ, có ruộng và trại nuôi vịt bầu, vịt hăng, nên khi anh thi đậu bằng Tiểu Học (CEPCI) ở tỉnh Sa Đéc, anh được gia đình cho lên Sài Gòn học. Anh thi rớt bằng Thành Chung, trở về làm giáo học ở quê nhà. (1930).

Thuở đó, anh thuộc hạng công tử vườn, ngoài việc dạy học, anh chơi đá banh, đá gà, đá cá và tham gia ban cổ nhạc tài tử “ Ca Ra Bộ “.

Anh từng đóng vai Bùi Kiệm, ca bài Tứ Đại Oán:

Bùi Kiệm Nguyệt Nga để tự diều mình:

Từ khi Kiệm thi rớt trở về,

Bùi Ông mắng nhiếc nhún trề,

Trách quá chàng tham bề vui chơi,

Kiệm thưa:

Tài bất thắng “ Thời “. (thời vận)

Anh Năm Nở sử dụng thông thạo đàn kìm, đàn cò. Tiếng đàn của anh mượt mà, sâu lắng, làm rung động biết bao con tim các thôn nữ ở những nơi mà ban ca tài tử của anh đến diễn. Cha anh nhiều lần thất cử hội đồng, buồn nản, sinh bệnh rồi mất. Lúc đó anh mới biết cha anh vay nợ Chà, vung tiền mua phiếu tranh cử. Thất cử, tự ái, vay nợ tiếp để tranh cử khóa sau. Nợ Chà nặng lãi, tiền lời chồng thành tiền nợ, cứ vậy vài năm sau, không trả nổi. Chà Chetty kiện ra tòa, tịch thu ruộng đất và trại vịt.

Năm 1938, Lê Hoài Nở gia nhập đoàn cải lương Nam Hưng của vua cờ bạc Sáu Ngọ, từng thủ một vai trong tuồng *Quan Công Hiến Thánh*. Đầu thập niên 40, anh hợp tác với anh Tám Bang (chủ nhà hàng Bồng Lai, Sài Gòn) và anh Năm Châu **lập gánh hát cải lương Năm Châu** .

Thời gian này anh học sáng tác và viết các vở: *Những kẻ vút đi, Thử yêu chồng, Hội yêu chồng, Vó ngựa truy phong*, và hợp soạn với anh Châu Hồng Đào, anh Trần Hữu Trang (Tư Trang), viết: *Khi người diên biết yêu ký* tên chung Châu Trang Nở .

Năm 1948, anh cùng các bạn nghệ sĩ tiên phong thành lập Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu Tương Tế, anh được bầu vào Ban Chấp Hành. Cũng trong năm 1948, anh lập **đoàn hát cải lương Sống Mới**, quy tụ các diễn viên Duy Lâm, Duy Chúc, Sáu Nết, Sáu Ngọc Sương. Anh viết 6 kịch bản cho đoàn Sống Mới: *Anh Chị Ăn Mày, Nỗi Lòng Chị Bếp. Hăm Ba Đưa Ông Táo Về Trời, Ông Huyện Hàm . . . Hàm, Thử Làm Vợ Bé, Sở Chữa Lửa Đụng Hăng Xăng Dầu*.

Thời đó còn chiến tranh Việt Pháp, đoàn hát Sống Mới khi lưu diễn ở tỉnh, bị nhà chức trách địa phương cho là tuồng tích của anh bêu riếu họ nên có tuồng bị cấm diễn (*Ông Huyện Hàm, . . . Hàm, Anh chị ăn mày*). Đoàn hát bị gây khó dễ, không hát được, phải rã gánh. Lập gánh khác, viết kịch bản khác . . . “ *Hàng Nga - Hậu Nghệ* “, “ *Dĩa Bay* “, “ *Trời Đòi Cưới Vợ Bé Ăn Tết* “. Tất cả các tuồng cải lương do anh sáng tác đều thuộc loại trào phúng, ngạo đời, trừ vở “ *Hàng Nga - Hậu Nghệ* “ mượn cốt truyện của Trung Hoa.

Từ năm 1954, anh không theo gánh hát, về xóm Bàn Cờ, rồi đến đình Phú Thạnh, đường Lê Văn Đuyệt, mở quán nhậu với bảng hiệu: «**Năm Nở Nhậu Chơi**».

Năm 1962, anh Năm Nở cùng với các anh Năm Châu, Duy Lâm, Hoàng Trọng Miên và các cô Phùng Há, Ngọc Ánh, nhạc sĩ Hai Khuê, Nguyễn Hữu Ba, được mời làm giáo sư trưởng Quốc Gia Âm Nhạc, phân khoa kịch nghệ do ông Nguyễn Phụng làm giám đốc. Trong số các trò các khóa đầu tiên có Tuyết Sĩ (hiện ở Santa Ana), Mai Thành (diễn viên kiêm giáo viên kịch nghệ trường Đại Học Sân Khấu Điện Ảnh Sài Gòn) cô Phương Ánh, Hương Xuân, Đỗ Quyên, đào chánh các đoàn Thanh Minh Thanh Nga, Dạ Lý Hương, Thủ Đô.

Năm 1967, con trai của anh chị Lê Hoài Nở du học ở Pháp, xin cho anh chị sang Pháp trị bệnh. Thấy ở Việt Nam, chiến cuộc ngày càng lan rộng, anh chị Năm Nở kéo dài thời gian trị bệnh ở Pháp .Để giải quyết vấn đề sinh sống, anh Năm Nở mở nhà hàng ở khu Montmartre (Restaurant Sào Nam) Sào Nam lấy ý từ “ Chim Việt Cành Nam”) .

Năm 1976, anh chị Năm Nở về Việt Nam thăm nhà rồi ở lại luôn. Anh Lê Hoài Nở không ngờ gặp rắc rối với chánh quyền Cộng Sản. Họ bảo anh là Việt Kiều, là người

dân của nước Pháp nên khi quá thời hạn lưu trú ở Việt Nam thì họ trực xuất về Pháp. Anh Năm Nở làm đơn khiếu nại, nói rõ lúc anh rời Việt Nam với lý do đi trị bệnh, anh không hề xin di dân, không phải vượt biên, không vô quốc tịch Pháp, chưa từ bỏ quốc tịch Việt Nam và cũng không có án tiết gì để bị tước quyền quốc tịch Việt Nam.

Anh được ở lại Việt Nam nhưng không có hộ khẩu. Từ năm 1976 đến ngày anh mất, qua 24 năm dài đảng đảng, soạn giả tài danh Lê Hoài Nở không sáng tác được một tác phẩm nào, không thấy xuất hiện ở những nơi như rạp hát, Hội Sân Khấu, Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu Tương Tế. Chúng tôi có đến thăm vợ chồng anh, hỏi qua về đời sống và ý đồ sáng tác của anh thì anh cười:

“Không hộ khẩu, lo chạy mua gạo, mua nhu yếu phẩm, hầu hạ, châu chực ở các hợp tác xã, mất không biết bao nhiêu là thời giờ, lại còn bị đuổi nhà, nhà bị giải tỏa, ở không yên, sống chật vật, làm sao mà có tâm trí nào để sáng tác tuồng tích? Vả lại viết gì đây? Dám phê phán, dám cười cợt ai? Viết rồi tuồng cũng không kiểm duyệt được, không có đoàn nào dám hát, vậy thì viết sao được mà viết? Bỏ cong ngòi bút, tôi không làm được. Viết theo mệnh lệnh, tôi cũng không làm được. Có một chuyện tôi làm được: Đó là làm thinh ! “

Anh quyết tâm trở lại với quê hương sau khi chiến tranh chấm dứt, lúc mới về ở thì mang nhiều hoài bão, nhưng càng ở lâu thì càng thối thía, ngậm đắng nuốt cay, im hơi lặng tiếng cho tới ngày chết. Đó là cái kết quả mà anh phải nhận lấy khi quyết định trở về Việt Nam sau năm 1975.

Các nghệ sĩ tiền phong nổi danh trong các vai tuồng để đời do anh Lê Hoài Nở sáng tác có thể kể: vai Ngự Bình trong vở *Hội Yêu Chồng* (các cô Sáu Nết, Sáu Ngọc Sương diễn), vai Bà Hai Thảo trong vở *Vó Ngựa Truy Phong* (Phùng Há, Sáu Ngọc Sương, Ba Thanh Loan, Ngọc Hải, Ngọc Ánh thủ diễn), vai Bê trong *Khi Người Điên Biết Yêu*, (Phùng Há, Kim Cúc, Kim Lan diễn), vai Dũng ghiền trong vở *Vó Ngựa Truy Phong*, (Năm Châu, Tám Danh, Từ Anh diễn), vai Ông Huyện trong vở *Ông Huyện Hàm . . . Hàm* (Ba Vân, Tám Vân, hề Tư Rơm diễn) . Các tác phẩm “ *Khi Người Điên Biết Yêu* “ , “ *Ông Huyện Hàm . . . Hàm* “ , “ *Vó Ngựa Truy Phong* “ là những tác phẩm mẫu mà thí sinh các khóa kịch nghệ Sài Gòn chọn làm đề tài thi ra trường .

Nhắc tới anh Năm Nở, tôi (Nguyễn Phương) có nhiều kỷ niệm khó quên. Tôi thường đến đình Phú Thạnh, nơi đó tập trung nhiều nghệ sĩ như anh Nam Sơn (biệt danh Năm Thệt), Chín Viễn, hề Bảy Xê, Xuân Phát, Thanh Lựu, Tám Lắm, hề Phúc Lai và anh Năm Nở. Tôi mời nghệ sĩ tham gia chương trình cải lương trên Ban Phương Nam Đài Phát Thanh Sài Gòn mà tôi là trưởng Ban. Lần nào đến đình Phú Thạnh, tôi cũng ghé quán “ Năm Nở Nhậu Chơi “ để nhậu lai rai và nói chuyện chơi với các bạn nghệ sĩ và ông chủ quán Năm Nở. Khi tôi cộng tác với Ban Việt Kịch Năm Châu, tôi đã có dịp sống gần anh Năm Nở, có lần tôi ngớ ý xin bá anh làm sư phụ, anh từ chối và nói là anh có học trường lớp nào đâu, làm sao biết cách để truyền nghề. Tôi hỏi anh có đọc

hài kịch của Molière không và anh viết tuồng trào phúng như thế nào? Tại sao chọn trào phúng, châm biếm mà không viết tuồng Tàu hay tuồng xã hội như các bạn soạn giả đồng thời với anh? Bữa nhậu đó có Kiên Giang . . . anh Năm Nở cầm ly rượu đế, nhấp môi, trầm ngâm. . . gắp tôm khô củ kiệu . . . lại uống rượu, mắt nhìn xa xôi như hồi tưởng lại chuyện ngày xưa. Chúng tôi cũng uống rượu, im lặng chờ đợi. Bỗng anh Năm buông thõng mấy tiếng:

“ *Tôi viết tuồng diễu . . . Tại cái hột vịt ! . .* ”

Tôi và Kiên Giang vừa mới hớp rượu, bật cười tới té sặc :

“ *Cái gì ? Tại cái hột vịt mà anh viết tuồng diễu à ?* ” Tôi không kềm được tánh tò mò, hỏi anh.

Kiên Giang vói tay lấy một cái hột vịt bắc thảo, mỗi nhậu của quán “ Năm Nở Nhậu Chơi, ngắm nghía, lật qua lật lại . . . Anh Năm Nở nói:

“ *Mấy lột cái hột vịt bắc thảo đó rồi ngâm trong miệng, tao giọng một cái mạnh cho nó tọt vô họng. Khi nào mấy mắc cổ, trợn tròn trợn trắng thì mới biết được cái lý lẽ để viết tuồng diễu* ”.

Kiên Giang đập vỏ, lột hột vịt. . . cái trứng vịt bắc thảo đen xanh, mềm nhũn. Kiên Giang làm như muốn nuốt trọn. Anh Năm vội ngăn:

“ *Cái thằng ông nội, tao nói chơi, mấy tưởng thiệt, nuốt cho mắc cổ, tao ở tù sao?* ”

Kiên Giang cười, nói:

“ *Tôi nhìn cái hột vịt đen xì, tính làm vài câu thơ chơi, nhưng không rặn ra được câu nào. Còn anh, nhìn hột vịt, làm sao mà anh viết diễu được?* ”.

Anh Năm giải thích, nhắc lại lúc anh còn nhỏ, ba anh có trại vịt. Anh muốn ăn chề hột vịt, ba anh bảo:

Mấy lựa hột nào có trống thì để qua một bên để ấp, còn hột vịt thường thì lấy mà nấu chề .

Anh xuống trại vịt, đứng bên thúng đựng trứng vịt, nhìn hoài, không biết trứng nào có trống, trứng nào không, bèn hỏi chị hai Mánh, người làm công trong trại. Chị hai Mánh lãng tai, nghe hỏi hột vịt có trống, chỉ nghe được mấy tiếng “ *vịt trống* ”, nên trả lời:

“ *Trống thì nó kêu cạp cạp, còn mái thì nó kêu cạp cạp.* ” Anh bèn cầm hột vịt, kê sát

lỗ tai, ráng nghe coi nó kêu cạp cạp hay cạp cạp . . . Hột vịt chưa kêu cạp cạp hay cạp cạp mà anh đã bị cú vô đầu nghe cốc cốc đau điếng. Đổ quau, tưởng chị Mánh cú, anh tính loi lại trả đũa, không ngờ người cú đầu là ba anh. Ông nói:

“ *Sao mấy ngu quá cỡ thợ mộc vậy, hột vịt nào mà kêu cho mấy nghe? Muốn kiểm hột vịt có trống thì đốt đèn, nhìn ngược ánh sáng, thấy tròn đỏ có tim là hột vịt trống . . . Không đốt đèn thì đứng trong tối, dùng bàn tay che quanh trứng, nhìn ngược ra ánh sáng, thì biết, thì thấy* ”. . . Đêm đó ăn chề hột vịt, ba anh nói thêm:

“ *Ờ đời nhìn bề ngoài thì thấy không hết đâu, muốn nhìn bề trong thì phải nhìn ngược lại cái thông thường của nó, nhìn trái sáng thì mới thấy được cái chân tướng* ”.

Do thiên tư, anh Năm Nở nghiệm ra rằng:

” **Nhìn Cái Nghịch Lý** “, thì mới tìm ra khía cạnh khác của sự việc, giống như bề trái của chiếc mề đai, có khi không danh dự, không thơm tho như chiếc mề đai nhận thưởng. Anh nghĩ cái gì đối lập nhau, để tìm ra sự thật, để gây ấn tượng và theo quan điểm của người nhìn, có thể tìm ra được sự đáng tức cười của sự đối lập đó như “ mạp “ với “ ồm “ (Laurel và Hardy), như chuyện cảnh sát rượt Charlot, cảnh sát oai quyền, mạnh bạo vậy mà rượt theo một kẻ ồm đối như Charlot mà bắt không được, lại té lên té xuống, dở khóc dở cười . Nghịch lý như đốt hay nói chữ, điên mà biết yêu, thử làm vợ bé, ông Huyện hàm . . . hàm! Anh Năm Nở có biệt tài xử dụng ngôn ngữ hài, chọc cười khán giả một cách tỉnh bơ.

Một lần khác, cô Phương Ánh, Chí Hiếu và tôi, sau khi thu đĩa ở hãng Continental về, trời sụp tối, chúng tôi ghé quán “ Năm Nở Nhậu Chơi “. Gần đó có bán cháo trắng, hột vịt muối. Anh Năm Nở thấy chúng tôi, vẻ mặt quạu đeo. Chị Ngọc Trai, vợ anh, mặt ngơ ngác, tỏ vẻ không hiểu tại sao bỗng nhiên anh Năm nổi giận. Tôi hỏi:

Anh Năm, hôm trước anh hẹn nói tiếp chuyện viết tuồng diễn, bữa nay anh có hứng không?

Anh Năm nói xui lơ:

Hứng gì nổi, mất mẹ nó cái cà rá hột xoàn 5 ly, mới rút xuống đất đó, kiếm hoài hông thấy.

Phương Ánh vội hỏi:

Rút ở đâu? Sao thầy làm rút vậy

Năm Nở:

Thì lấy ra chùi, đánh bóng, túng quá, tính đi cầm .

Phương Ánh sốt sắn:

Để tui con kiếm dùm cho . Cô ta lom khom, nhìn kỹ từng viên gạch. . . Chí Hiếu chạy qua nhà Bảy Xê, mượn đèn pile qua rọi, thế là tiếng đồn tới Bảy Xê. Bảy Xê đi rủ Chín Viễn, Xuân Phát, Năm Thệt cùng kéo tới. Kẻ rọi đèn, người bò, mò theo kẹt vách. Anh Năm Nở bó gối, thở dài:

Thôi, kệ mẹ nó đi . . . Cái số mình ăn mày thì có của gì cũng mất . . .

Chín Viễn ráng kiếm, miệng lầm bầm:

Có cà rá hột xoàn mà bữa hôm, mình túng quá, mượn tiền ảnh, ảnh nói ảnh nghèo kiệt xác ’Chợt Xuân Phát đứng lên, nói lớn:

Kệ đi, anh Năm mất chiếc cà rá xoàn này, còn chiếc khác, còn giây chuyền vàng, còn cẩm thạch. . .

Năm Nở vội la lên:

Đừng nói giỡn mây . . . Tao thề nếu tao có nhiều vàng, hột xoàn vậy cho . . .

Chị Năm vội ngăn :

Anh Năm đừng có thề . . . đừng có thề !

Tôi ra về, nửa tin, nửa ngờ. Sáng sớm hôm sau, tôi tới đình Phú Thạnh, hỏi anh Nam Sơn:

Sao ? anh Năm Nở có kiếm thấy chiếc cà rá xoàn không?’

Anh Nam Sơn cần năn:

Báo hại cả xóm, đêm rồi không ngủ được, ăn trộm rình nhà Năm Nở rồi quanh quẩn suốt đêm. Tụi tui cũng sợ lây, đi rỏn, canh chừng hoài. Cái mừng này, ăn trộm ăn cắp sẽ không bỏ qua đâu . . . Cái thằng Xuân Phát ác miệng nói anh Năm Nở có nhiều xuyên vàng, ngọc thạch, tụi trộm không chớp được cái này, nó sẽ quơ thứ khác .

Tôi bước vô quán nhậu của anh Năm Nở, thấy tôi, anh cười hề hề:

Sao ? Nguyễn Phương thấy sao? Nguyễn Phương muốn viết tuồng diễn thì cái tình huống Năm Nở mất cà rá xoàn , đã làm động cả xóm, đánh thức lòng tham của mấy tên trộm và làm khổ cả vợ chồng Năm Nở này vì Hội Nghệ Sĩ vừa định giúp vợ chồng tôi một ngàn đồng để trị bệnh, nay nghe tôi có hột xoàn 5 ly và Xuân Phát nói tôi còn nhiều vòng vàng nên Ban Chấp Hành rút lui ý định trợ cấp cho tôi. Cười ra nước mắt đó à ghen !

Chưa hết đâu, chủ nợ nghe nói anh có hột xoàn, kéo nhau tới đòi nợ, vợ anh phải năn nỉ, hẹn tới hẹn lui, nói ráo nước miếng mà chủ nợ cũng không tin; . . . một chuỗi hành động kịch, tạo cười bằng chuyện “ **ngịch lý** “. (nghèo kiệt xác mà có hột xoàn, vậy chủ nợ và bọn trộm đạo lại tin, kéo nhau tới đòi nợ, hoặc rình mò đánh cắp.) . Năm Nở cười trừ, chị Năm kêu trời như bọng.

Thì ra anh Năm muốn dạy tôi cách tạo ra tình huống kịch để từ đó phát triển thành mà người ta cũng tin. Từ chuyện này có thể viết thành bi kịch, mà cũng có thể viết thành hài kịch . Báo hại hôm đó chúng tôi phải chia nhau đến từng nhà trong xóm để đính chánh là Năm Nở không có cà rá xoàn để các anh ăn trộm đừng mất công rình mò nữa . Nhưng càng đính chánh, người ta càng tin là Năm Nở có hột xoàn thiệt . Có bà nhiều chuyện, thừa lúc anh Năm đi dạy ở trường Quốc Gia Âm Nhạc, tới nhỏ to với chị Năm, hồng chừng ổng có mèo, cô nào đó giàu lắm, mê tuồng của ổng nên tặng cho cà rá xoàn, họ rủ chị Năm đi bắt ghen . Tất nhiên là chị Năm không tin, thuật lại cho chúng tôi nghe . . . lại thêm một số sự kiện có thể tạo cười .

Trên đây là một trong vô vàn kỷ niệm thân thương mà anh Năm Nở từng gieo vào lòng đàn em nghệ sĩ . Điều mà chúng tôi học được ở anh Năm Nở là trước bất cứ tình huống nào, trước bất cứ áp lực nào, anh cũng không bẻ cong ngòi bút, viết a dua, xiểm nịnh . Thấy trái tai, gai mắt là viết móc lõ, trêu cợt để mọi người cùng cười cái rởm đời, cười cái xấu, chê cái ác .

24 năm sống không hộ khẩu, không thể chứng minh nhân dân (thẻ căn cước), một nghệ sĩ tài danh, một người Việt Nam một trăm phần trăm, vậy mà phải sống trên đất mẹ như một người tha hương, một người không quê hương ! Vậy mà anh Năm Nở vẫn cười ! Anh lúc nào cũng cười, buồn cũng cười, vui cũng cười, thành, bại, vinh, nhục, nghèo kiệt xác anh cũng cười, cười cho thân phận mình, cười để tìm ra cách chọc cười thiên hạ, đem niềm vui cho đời !

Anh Lê Hoài Nở đã mất hai năm rồi . Ở Canada, cách Việt Nam hơn hai mươi cây số ngàn, tôi không đến được chùa nghệ sĩ để thắp một nén nhang trước bài vị của anh, xin mượn mấy vần thơ tưởng niệm anh, người bạn, người thầy đã quá cố :

Hơn chín phần mười, gần thế kỷ
Một thời sân khấu đẹp nguồn cơn
Cùng Năm Châu, Tư Trang, Phùng Há
Rực rỡ màn nhung nét phấn son .

Dù khép màn nhung, đèn đã tắt
“ANH CHỊ ĂN MÀY “ không thở than
“ VÓ NGỰA TRUY PHONG “ ai đuổi kịp
Lấy con tim xóa kiếp phong trần .

Mái đình Phú Thạnh, những tâm hồn lớn
Tìm gặp nhau tiếng hát tiếng đàn .
Người tứ xứ bỗng thành thân thuộc
Đứng quán nghèo anh Chín Viễn, Nam Sơn .

Đổi mới cuộc đời, tình đời khác
Bóng xế hoàng hôn nắng đã tan
Bạn bè chung diễn đều xa khuất
Chỉ còn trong ký ức xa xăm .

Cửa nhà như cá nằm trên thớt
Nay đuổi mai đời lúc anh ốm đau
Nước đổ lá môn . nhiều thư khiếu nại
Đợi mỗi mòn nào khác chuyện biển dâu
Anh nằm xuống lòng còn trăn trở
Lo gần xa hiền phụ sẽ long đong
Chưa đoạn kết vở kịch buồn Nhiều Lộc
Nước đục cứ ròng, ai lắng trong ?

Thuở thanh xuân tâm hồn phóng khoáng
Cởi mở vẫn lọc lừa, trắng khác đen
Đặt đúng chỗ người tốt kẻ hèn
Bút trào phúng vừa là thơ vừa là thép
Ngày xế bóng sống mòn trong đạm bạc
Giữ lòng ngay trước tâm địa quanh co
Không luồn cúi khum lưng và bẻ bút
Vẫn yêu đời dù nước mắt đã khô .

Chào Sa Đéc, Tân Hưng làng quê cũ
Chào mái đình Phú Thạnh thuở hàn vi
Đưa hồn tinh dầu lên miền sao Khuê .
Vĩnh biệt nước ao tù vùng Nhiều Lộc
Đây đất buồn, Lê Hoài Nở ra đi !

Mượn lửa hỏa thiêu soi đường siêu thoát
Chiếu sáng ngời sân khấu khác cuộc đời



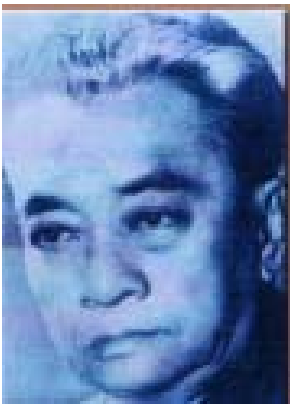
*Lửa hóa xe mây nhẹ nâng cánh hạc
Đưa hồn anh về tận cung trời*

*Đành thôi . . . thôi đã hết rồi
Ngậm ngùi nhìn lửa tiễn người lên tiên
Vượt xa cát bụi thị thiên*

Soạn giả Nguyễn Phương,
Cẩn bút để nhớ ơn và tưởng niệm người thầy quá cố .
Tháng 5 năm 2002 .

5 - Nghệ sĩ NGUYỄN THÀNH CHÂU NGƯỜI THẦY CỦA SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG MIỀN NAM .

Trong lịch sử sân khấu cải lương miền Nam, khi người ta nhắc đến tên những nghệ sĩ tiên phong có công khai sáng và vun bồi cho nền ca kịch cải lương, thì tên tuổi của nghệ sĩ Năm Châu phải được kể ở hàng đầu, trước những tên tuổi lẫy lừng của các nghệ sĩ tài danh cùng thời .



Công bằng mà nói thì mỗi nghệ sĩ tiên phong đều có biệt tài riêng, mỗi người có một sở trường riêng. mỗi người đều để lại một dấu ấn sâu sắc qua các vai tuồng gọi là để đời “ vì khó có người diễn vai đó hay hơn họ. Ví dụ: khi nhắc vai Lữ Bố thì người ta nhớ ngay đến cô Phùng Há . Nhắc vai An Lộc Sơn là nhớ đến Năm Châu trong tuồng *Trường Hận* . Nói đến Năm Phỉ thì nhớ đến vai Bàn Quý Phi, vai Lý Ngọc Hương trong tuồng *Trà Hoa Nữ* . Nhắc tới Tám Danh là nhớ vai Hà Công Yên trong tuồng *Tứ Đổ Tường* ; Út Trà Ôn vai thằng gù trong tuồng *Hoàng Tử Lưng Gù*, nhắc vai Phê trong vở “ *Khi*

Người Diên Biệt Yêu “ là nhớ đến quái kiệt Ba Vân . .

Về phương diện sáng tác, các soạn giả tiên phong cũng có những biệt tài làm cho tác phẩm của mình mang những sắc thái riêng biệt, góp phần thêm phong phú cho nội dung và hình thức ca kịch cải lương . Ví dụ : khi nói tới soạn giả **Năm Nở** là người ta nhớ ngay những vở tuồng cải lương trào phúng . Nói tới **Mộng Vân** là gợi lại hình ảnh những tuồng kiếm hiệp với những bài ca nhỏ gác vọng cổ, đã một thời ngự trị trên rất nhiều đoàn hát lớn, nhỏ ở miền Nam. Nói đến **Tư Chơi**, ngoài các tuồng cải lương nổi tiếng như các vở : *húc Oan Vô Lượng*, *Gánh Cải Trạng Nguyên*, *Lỡ Tay Trót Đã Nhúng Chàm*, người ta nhớ sáng kiến của anh khi anh sáng tác và cho trình diễn những vở hoạt kê hài hước (opérette comique) mà các bài ca dùng trong loại hoạt kê hài hước

này phần lớn là những bản tân nhạc do anh sáng tác để khai thác giọng ca tân nhạc đặc sắc của cô Năm Kim Thoa .

Nhưng nhắc tới anh **Năm Châu** thì gần như trên lãnh vực nào của sự hình thành và phát triển của nghệ thuật sân khấu cải lương, anh Năm Châu cũng được người trong giới nghệ sĩ nhìn nhận anh là người đầu đàn, đã khai sáng hoặc đóng góp công lao nhiều nhất. Anh vừa là một diễn viên kỳ tài, có nhiều vai tổng để đời, vừa là một soạn giả có nhiều tuồng hay, vừa là đạo diễn sân khấu đầu tiên áp dụng kỹ thuật tân tiến của sân khấu Tây Phương vào nghệ thuật sân khấu Việt Nam. Anh Năm Châu từng là Bầu gánh nhiều đoàn hát lớn, đã đào tạo nhiều thế hệ nghệ sĩ kế thừa, những hạt ngọc của sân khấu cải lương, kịch nói, phim ảnh trong các thập niên 1950, 1960, 1970, 1980. Anh Năm Châu cũng là giáo sư kịch nghệ đầu tiên của trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn, phân khoa kịch nghệ từ khi ông Nguyễn Phụng đảm nhiệm chức vị Giám Đốc Trường này (1962). Anh Năm Châu cũng là người trưởng đoàn đưa nghệ sĩ cải lương miền Nam đi biểu diễn ở Pháp, Anh Quốc và các nước Tây Âu trong dịp có hội nghị bốn bên ở Paris (1969). Và chót hết không thể không nhắc tới những thành công của anh Năm Châu trên lãnh vực phim ảnh, phim tuồng cải lương và trong việc chuyển âm, lồng tiếng cho các phim ngoại quốc khi nghệ thuật này mới phôi thai trong những năm 1950 - 1960.

Viết về tiểu sử và sự nghiệp nghệ thuật của một bậc kỳ tài như anh Năm Châu thì một người dù hiểu biết sâu sắc đến đâu, có trí nhớ tuyệt diệu cách nào cũng khó có thể viết cho chu đáo, đầy đủ và mạch lạc, nhất là trong hoàn cảnh đang ở xứ người, thiếu tài liệu tham khảo . Tôi có cái vinh dự được sinh ra cùng một làng, một tỉnh Mỹ Tho với anh Năm Châu, tôi có cộng tác với đoàn Việt Kịch Năm Châu từ năm 1952 đến năm 1956, thời kỳ cực thịnh của đoàn hát với vở tuồng *Tây Thi Gái Nước Việt* do Năm Châu chuyển thể cải lương và đạo diễn . Thời gian này tôi được học hỏi nơi anh Năm Châu về sáng tác, về đạo diễn và được nghe kể nhiều kinh nghiệm, nhiều chuyện lý thú trong đời đi hát của anh Năm Châu và của những nghệ sĩ tiền phong khác. Sau đó tôi có nhiều dịp cộng tác với anh trong hãng phim Mỹ Vân, phim trường Mỹ Phương, ở đoàn Phước Chung và đoàn Thanh Minh Thanh Nga. Trên đài Truyền hình Sài Gòn, đài phát thanh Sài Gòn, Ban Thoại Kịch Thẩm Thúy Hằng, chị Kim Cúc có nhiều lần



đóng một vai trong tuồng, kịch của tôi sáng tác, do đó tôi có nhiều lần làm việc với chị Kim Cúc và gặp gỡ chuyện trò với anh Năm Châu tại nhà riêng của anh trong chung cư Phan Châu Trinh ở Phú Nhuận. Tôi hy vọng những gì tôi viết về anh Năm Châu sẽ là những tài liệu đóng góp với những nhà sưu khảo, viết về lịch sử sân khấu và cuộc đời các nghệ sĩ tài danh của cải lương.

Anh **Năm Châu**, tên thật Nguyễn Thành Châu, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1906, tại tổng Thuận Trị, làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho. Theo lời anh Tám Kiệt, quản lý đoàn Việt Kịch Năm Châu

(chồng của cô Tám, em ruột anh Năm Châu) cha của anh Năm Châu là một công chức Tòa BỐ tỉnh MỹTho, vì làm mịch lòng Tỉnh trưởng nên bị thuyên chuyển ra làm việc ở đảo Phú Quốc, tỉnh Rạch Giá. Anh Năm Châu học năm thứ hai Ban Thành Chung trường Trung Học Mỹ Tho, nhân dịp nghỉ hè, anh ra Phú Quốc thăm cha. Đến ngày tựu trường, vì bão tố, tàu bè không trở về đất liền kịp ngày nhập học, anh bị trễ nên bị cúp học bổng và bị đuổi. Gia đình định cho anh tiếp tục học ở trường Taberd, nhưng anh quyết định tự lập, theo nghiệp cầm ca, gia nhập **gánh hát Thầy Năm Tú** năm 1922 .

Viết về anh Năm Châu, tôi xin đề cập tới cuộc sống tình cảm của anh Năm Châu và ảnh hưởng những cuộc tình của anh trên các tác phẩm anh sáng tác.

Theo sự hiểu biết của tôi, anh Năm Châu có 3 người vợ mà người vợ nào của anh cũng ảnh hưởng lớn lao đến sự nghiệp sân khấu của anh.

Người vợ đầu tiên của anh là cô Sáu Trâm, nữ diễn viên tài danh của gánh hát Tập Ích Ban. Cô Sáu Trâm là người Tàu lai Việt (Triều Châu) quê ở Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên.

Năm 1954, khi đoàn Việt Kịch Năm Châu hát ở rạp hát Minh Châu Cần Thơ, anh Tám Kiệt quản lý của đoàn hát, có dẫn tôi tới rạp hát bóng Tây Đô để lấy máy hát bóng 16 ly về cho anh Năm Châu chiếu xem một số phim tài liệu về sân khấu của một người bạn ở Pháp gửi cho. Anh Tám Kiệt giới thiệu cho tôi biết, anh Nguyễn Thành Văn, chủ rạp hát bóng Tây Đô là con trai lớn của anh Năm Châu. Mẹ nuôi của anh Văn là cô Sáu Trâm, một diễn viên cải lương tiền phong, nay đã nghỉ hát. Tôi có nhiều lần đến rạp hát bóng Tây Đô, gặp anh Văn và đôi khi gặp cô Sáu Trâm vì anh Năm Châu nhờ tôi, có khi mang quà cho cô Sáu Trâm, có khi mượn phim, mượn máy chiếu phim. Qua những lần tiếp xúc đó, tôi được biết một số điều về mối tình đầu của anh Năm Châu.

Ông Vương Có (con của ông Vương Thiệu, một kép hát Tiều đã giải nghệ), chủ vựa lúa và nhà máy xay lúa, có ghe chài chở lúa gạo lên các chành ở Sài Gòn, Chợ lớn. Năm 1921, ông Vương Có thấy việc kinh doanh gánh hát mang lại nhiều lợi lộc; vốn là con của một kép hát Tiều, ông bỏ vốn thành lập gánh hát, lấy tên là gánh **Tập Ích Ban**, tập tuồng và khai trương ở Thốt Nốt, Long Xuyên.

Lê lối tổ chức của gánh hát này rạp khuôn theo gánh hát Tiều. Bầu gánh Vương Có mời một vị thâm nho ở địa phương làm soạn giả. Đó là ông Nguyễn Trọng Quyền, bút hiệu Mộc Quán Tử, người trong giới cải lương gọi ông là thầy tuồng Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền. Ông viết cho Tập Ích Ban một loạt tuồng Tàu như Tây Sương Ký, Thố Nhạn Oan Ương, Lưu Hiếu Nữ. Về sau có thêm các tuồng *Giọt máu chung tình, Hoa Mộc Lan từng chinh, Phụng Nghi Đình*.

Đào kép của gánh hát Tập Ích Ban có:

Bảy Nhiêu, Tư Thới (sau này là BẦU Tư Thới gánh hát Thái Bình), Năm Chuông, Năm Hỉ, Sáu Tị, Sáu Trâm, Hai Hiển, Ba Vinh. Ông Vương Có đặt lại tên của đào kép kể trên với những cái tên nghe rặc Tàu như Lâm Sinh (tức Bảy Nhiêu), Dương Hòa (Tư Thới), Đại Hồng (Năm Chuông), Song Hỉ (Năm Hỉ), Tần Vân (Sáu Tị), Ngọc Xoa (Sáu Trâm), Kiều My (Hai Hiển), Kiều Loan (Ba Vinh). Vì tổ chức theo lối hát Tiều, nên gánh Tập Ích Ban đặt ra kỷ luật rất nghiêm :

Nam ở theo nam, nữ ở theo nữ. Ngoài giờ tập tuồng và cơm nước. cấm ngặt nam, nữ gần gũi, chuyện trò nhau. Cô Sáu Trâm (Ngọc Xoa) và cô Tần Vân (Sáu Tị) thay nhau diễn những vai chánh trong các tuồng Giọt máu chung tình, Phụng Nghi Đình.

Năm 1925 gánh Tập Ích Ban rã. Đào kép gia nhập **gánh hát Văn Hí Ban** của ông BẦU Huỳnh Kim Vui ở Chợ Lớn hoặc gia nhập gánh hát Tái Đồng Ban của ông BẦU Hai Cu ở Mỹ Tho. Bảy Nhiêu, Tư Thới, Sáu Trâm và Sáu Tị gia nhập gánh hát **Tái Đồng Ban** (1926).

Đại đa số đào kép mà ông BẦU Hai Cu qui tụ dưới bảng hiệu Tái Đồng Ban là dân Mỹ Tho, mà trước đó là người đã cộng tác với gánh Nam Đồng Ban, cũng do ông làm BẦU. Con trai của ông Hai Cu là kép chánh Hai Giỏi chết (Hai Giỏi là người chồng đầu tiên của nghệ sĩ tài danh Năm Phỉ). Ông Hai Cu cho rã gánh Nam Đồng Ban. Năm sau ông lấy xác gánh Nam Đồng Ban, thành lập đoàn **Tái Đồng Ban** với thành phần đào kép như :

Phùng Há, Ba Nhàn, Ba Liên, Ba Điều, Tư Nhỏ, Sáu Trâm, Sáu Tị; và Năm Châu, Tám Mẹo, Ba Du, Tư Út, Từ Anh, Hai Ngời, Hai Bông, Bảy Nhiêu, Tư Thới. Anh Tư Chơi

(Huỳnh Thủ Trung) gia nhập Tái Đồng Ban với tư cách là nhạc sĩ đàn đàn.

Gánh Tái Đồng Ban mời ông Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền làm soạn giả, vì vậy các vở tuồng cũ của ông như *Giọt Máu Chung Tình*, *Phụng Nghi Đình*, *Hoa Mộc Lan* đều được dàn dựng lại và trình diễn trên sân khấu Tái Đồng Ban. Sáu Trâm thủ vai Bạch Thu Hà và Năm Châu, vai Võ Đông Sơ tuồng *Giọt máu Chung Tình*, là cặp đào kép ăn khách nhất lúc bấy giờ. Sáu Trâm ca, diễn lai theo lối hát Tiều, ảnh hưởng cũ của gánh Tập Ích Ban, nhiều động tác tượng trưng “ tả ý “ như lối hát bội. Anh Năm



Phùng Há - Bửu Trân

Châu phải chỉ dẫn, tập luyện lại cho Sáu Trâm để khi ca, diễn chung, ăn ý, rập ràng với nhau . Khi Năm Châu và Sáu Trâm trở thành cặp đào kép diễn xuất ăn khách nhất thì mối tình đầu nảy nở, anh Năm Châu và chị Sáu Trâm trở thành một đôi vợ chồng xứng lứa vừa đôi nhất trong giới nghệ sĩ cải lương lúc bấy giờ.

Anh Tư Chơi, nhạc sĩ, kèm cặp dạy cho cô Phùng Há ca, luyện giọng và cũng yêu nhau. Kết quả: Trương Bửu Chánh ra đời

(1927). Cô Bửu Chánh về sau, có về quê nội bên Hạc San (Tàu) và được đi ruột của Bửu Chánh là bà Trương Liên

Hảo, (có người chồng phú gia họ Lý) nhận Bửu Chánh làm dưỡng nữ và cải họ lại là Lý Bửu Chánh. (Nhân tiện đây tôi xin góp ý đính chánh, có người tưởng là khi cô Phùng Há gá nghĩa với ông bá hộ Xường, dùng họ Lý của ông Bá Hộ làm họ cho Bửu Chánh để mong hưởng gia tài của họ Lý. Đó là một sự lầm lẫn đáng tiếc.)

Cô Phùng Há ca diễn và sắc vóc đẹp hơn cô Sáu Trâm nên vô tình đẩy cô Sáu Trâm xuống hàng “ đào nhì “. Năm Châu lại tỏ ra quá quyến luyến, lo chỉ dạy cho cô Phùng Há nên cô Sáu Trâm ghen, buồn duyên tử phận, âm thầm rời khỏi gánh hát đột ngột. Anh Năm Châu và nhiều bạn bè của anh đổ xô đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng bật tin mất dạng cô Sáu Trâm.

Anh Tám Kiết kể cho tôi nghe cuộc tình đầu tan vỡ của anh Năm Châu. Khi có dịp gặp lại cô Sáu Trâm (24 năm sau) tôi tò mò hỏi chuyện ngày xưa. Cô Sáu Trâm kể :

” Lúc đó, tôi ghen quá, bỏ trở về quê nhà ở Long Xuyên, cũng có ý đợi “ ảnh “ xuống rước trở lên gánh hát. Nhưng rồi “ ảnh “ mê sân khấu hơn vợ nhà. “ Ảnh “ theo gánh hát miết. Tôi cũng không thể tự mình trở lại gánh hát, thành ra tôi ở với má tôi. Má tôi có quán bán cơm trong chợ Long Xuyên. Ở đó, mấy năm sau khi gánh hát Tái Đồng Ban rã, tôi có gặp lại Sáu Tỵ thì nói anh Năm Châu theo gánh Đại Phước Cương ra Hà Nội hát. Lúc đó anh Năm đã yêu và sống chung với cô Tư Sạng, đào nhì trong gánh Đại Phước Cương và đã có với nhau một đứa con trai. Đó là Nguyễn Thành Văn, nó hiện là chủ rạp hát bóng Tây Đô đó. »

Cô Sáu Trâm thấy tôi nhìn anh Tám Kiết, có vẻ không hiểu, cô chợt nhớ ra là chưa giải thích rõ vì sao Nguyễn Thành Văn lại nhận cô làm mẹ nuôi. Cô nói :

« Khi biết anh Năm Châu sống chung với cô Tư Sạng và có với nhau một đứa con, tôi trở lại theo nghề hát, trong lòng nuôi ý định là sẽ hát hay hơn chị Phùng Há hay cô Tư Sạng, đó là vì tự ái nghề nghiệp và cũng là cái ý ganh tỵ của một người đàn bà, muốn làm sao cho mình đẹp hơn, giỏi hơn người tình địch của mình. Tôi đi theo gánh hát Văn Hí Ban, rồi gia nhập lại gánh Tập Ích Ban 2, nhưng tôi càng ngày càng hiểu rõ rằng tôi không thể hát hay hơn chị Phùng Há và không thể ca hay hơn cô Tư Sạng. Tôi hiểu rõ là một khi người đàn ông đã bỏ vợ, có thêm một người vợ khác, đẹp hơn, giỏi hơn người vợ cũ thì người cũ khó bề giành lại được người chồng. Nhất là trong nghề ca hát, nếu không có người thầy tuồng nâng đỡ, dìu dắt, không có người bạn đồng diễn đồng sắc đồng tài thì người diễn viên khó có thể thành công lớn. Vì nghĩ vậy nên tôi giải nghệ, không theo gánh hát nữa, tôi trở về Long Xuyên, giúp má tôi trong việc buôn bán. Khi cháu Văn học ở Pháp về, làm chủ rạp hát bóng Tây Đô ở Cần Thơ. Cháu Văn xuống Long Xuyên định mở thêm một cái rạp hát bóng nữa thì cháu Văn gặp tôi đang bán cơm ở nhà lồng chợ Long Xuyên. Lúc đó có anh Tám Kiết đi theo, anh Tám kể chuyện của Ba cháu và tôi nên cháu Văn không muốn tôi mua bán cực khổ. Cháu nhận tôi là mẹ nuôi và rước tôi về ở với cháu “

Những khi đoàn Việt Kịch Năm Châu hát ở Cần Thơ, anh Năm Châu và cô Sáu Trâm không trực tiếp gặp nhau mà chỉ gửi quà tặng hoặc những lời thăm hỏi, chứng tỏ là giữa họ chỉ còn lại một chút tình tri ngộ ngày xưa.

Anh Nguyễn Thành Văn, con của người tình địch Tư Sạng, nay lại là người thay mặt cho mẹ, đứng ra phụng dưỡng cho cô Sáu Trâm, có lẽ là để bù đắp lại những thiệt thòi mà mẹ của anh đã gây ra cho cô Sáu Trâm. Dẫu sao đó cũng là một hành động đẹp giữa những người nghệ sĩ đối với nhau.

Người vợ thứ hai của Năm Châu mà tôi đã nói sơ qua đoạn trên là đệ nhất nữ danh ca tiền phong Tư Sạng .

Cô **Tư Sạng** tên thật là Đoàn Thị Sạng, sanh quán tại làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, cô gia nhập gánh hát Trần Đắc của ông Trần Đắc Nghĩa, cùng với những nghệ sĩ tài danh Năm Châu, Tư Chơi, Tư Út, Từ Anh, Phùng Há, Năm Kim Thoa, Ba Liên (vợ của Từ Anh). Trên sân khấu, Cô Tư Sạng chỉ là đào nhì, đứng sau cô Phùng Há, nhưng trên địa hạt đĩa nhựa thì cô được chủ gánh, hãng đĩa, các giới mộ điệu và khán giả tặng danh hiệu đệ nhất nữ danh ca.

Cô được khán giả lục tỉnh và Sài Gòn biết đến và ái mộ trong các tuồng *Lục Vân Tiên*, *Kim Vân Kiều*, *Trang Tử Cổ bồn ca*, *Hạnh Ngươn cúng Hồ*, *Lưu Yến Ngọc cứu cha* . . . trên sân khấu cũng như các đĩa hát của thầy Năm Tú tại Mỹ Tho. Đĩa hát mang nhãn hiệu Pathé (78 tours) đường kính khoảng một gang rưỡi, phải dùng kim có gắn hột saphir ở đầu mới hát được. Vô đầu đĩa hát, bao giờ cũng có câu quảng cáo như sau:

« *Đây, ban hát cải lương thầy Năm Tú ở tại Mỹ Tho, hát cho hãng Pathé - phono nghe chơi, tuồng. . .* »

Trong những thập niên 1930, 1940, vì phương tiện giao thông thiếu kém, các đoàn hát bội và cải lương ít đến được các quận, huyện xa trục lộ giao thông để hát nên ở các vùng đó, khi có tiệc vui, những dịp cưới gả, người ta dùng máy hát đĩa, hát những tuồng bộ và những bài ca vọng cổ để mua vui. Do đó tuy chưa được biết mặt nhưng họ đã biết danh những giọng ca vàng và rất mến mộ các nghệ sĩ như : cô Tư Sạng, cô Tư Được, cô Hai Đá, nghệ sĩ Hồng Châu, Thanh Tao, Tư Út, Năm Châu. . . Giọng ca của cô Tư Sạng trong trẻo, dịu dàng nhưng chứa đựng một tình cảm nào nùng ai oán, nên khi cô ca những bài ca tâm sự của người phụ nữ sầu tình thì bộ đĩa nào cũng bán rất đắt người mua. Đến nay đã hơn 60 năm qua, những người đã từng mê giọng ca của cô Tư Sạng vẫn còn nhắc mãi các bộ đĩa của cô ca như :



Gánh Trần Đắc (Cần Thơ)
Vở "Vén màn bí mật" sau đổi thành "Khúc oan vô lượng"
Tư Chơi soạn 1931
Từ Anh, Năm Châu, Tư Lữ, Phùng Há, Cô Ba Liên (vợ Từ Anh)

Đêm khuya trông chồng, *Mẹ dạy con*, *Xử tội Bàng Quý Phi*. Thời gian này, soạn giả Nguyễn Thành Châu sáng tác vở cải lương " *Giá Trị và Danh Dự* ", và soạn giả Huỳnh Thủ Trung (Tư Chơi) sáng tác vở " *Khúc Oan Vô Lượng* ", " *Lỡ tay trót đã nhúng chàm* " (Năm Châu, Tư Sạng và cô Năm Kim Thoa thủ các vai chánh), ứng dụng bản Dạ Cổ Hoài Lang nhịp tư vào trong tuồng, khiến cho khán giả yêu thích cải lương càng say mê thêm trước lối diễn cũng như giọng ca của cô Tư Sạng, cô Phùng Há, cô Năm Kim Thoa . . .
Nhắc đến tuồng " *Xử tội Bàng Quý Phi* ", người ái

mộ điệu hát cải lương thường nhắc nhở cô Năm Phỉ trong vai Bàn Quý Phi và anh Bảy Nhiêu trong vai Tống Nhon Tôn, vì quả tình là cô Năm Phỉ thủ vai Bàn Quý Phi xuất sắc, khó có ai thay thế được. Khi đi hát đấu xảo ở Paris năm 1931, cô Năm Phỉ và anh Bảy Nhiêu đã làm cho cả kinh đô Paris, báo chí nhắc đến tài nghệ ca, diễn của hai danh tài này qua các vai Bàn Quý Phi và Tống Nhon Tôn. Khán giả xem hát trong cuộc đấu xảo Paris tuy không hiểu tiếng Việt, nhưng lời ca, điệu hát cũng làm cho họ phải rơi lệ và thương cảm nhân vật trong tuồng. Sau đó khi về nước, báo chí ở Sài Gòn không ngớt nhắc đi nhắc lại sự thành công của cô Năm Phỉ trong chuyến Tây Du. Tuy nhiên cô Năm Phỉ phải thông qua ca, diễn xuất, y trang, tranh cảnh và có người đồng diễn trong vai Tống Nhon Tôn mới lấy được nước mắt của khán giả. Còn cô Tư Sạng, thông qua giọng ca thảm não, bi thiết, với kỹ thuật luyến láy, nức nở trong giọng ca ỉ ôi năn nỉ xin tội cho cha đã làm cho người nghe từ Nam chí Bắc phải khóc theo, đó là một điều không phải danh ca nào cũng làm được. Bộ đĩa 20 câu vọng cổ *Xử tội Bàn Quý Phi* do cô Tư Sạng ca năm 1936 mở đầu cho những thắng lợi vang lừng của hãng đĩa ASIA, tiếp theo đó là sự thành công của những bộ đĩa *Tô Ánh Nguyệt*, *Hoa Rơi cửa Phật*. . . cũng do nữ danh ca Tư Sạng ca chánh.

Anh Năm Châu là một diễn viên có tài, sắc vóc đẹp trai, cao lớn như Tây, lại là một soạn giả có nhiều vở tuồng hay, đích thân chỉ dạy cho các đào kép khác ca, diễn, nên anh Năm Châu được các cô đào hát và nữ khán giả si mê, theo đuổi. . . Có lẽ anh là người quá say mê nghệ thuật sân khấu nên chỉ có người phụ nữ tài danh, “thinh sắc lưỡng toàn” mới lọt được vào cặp mắt xanh của anh. Anh Năm Châu và cô Tư Sạng thành duyên với nhau khi hát chung trên sân khấu Trần Đắc và đã có 5 con:

Nguyễn Thành Văn, chủ rạp hát bóng Tây Đô trước năm 1975 .

Nguyễn Ngọc Bê đã đi tu .

Nguyễn Trúc Thanh theo kháng chiến, tập kết miền Bắc, nay đã về hưu .

Nguyễn Thanh Hương tức nghệ sĩ Thanh Hương, vợ của danh hài Văn Chung.

Nguyễn Thanh Trúc (tức Antoinne)

Năm 1935, ông Ngô văn Mạnh (tự Năm Mạnh) thành lập hãng đĩa ASIA. Sau khi mua lại dụng cụ thu thanh của hãng đĩa BéKa, ông Năm Mạnh đã nghiên cứu dùng cao su chế ra chất ébonite để làm thành đĩa hát và thành công vang dội với loạt đĩa hát phát hành đợt đầu là *Nặng gánh nợ đời* (do Năm Nghĩa ca), *Thức trót canh gà* (cô Ba Được ca), *Cộp, cộp, bonjour, thầy Ba* (do Hồng Châu ca)

Ông Năm Mạnh ký giao kèo độc quyền với cô Tư Sạng và đã tung ra thị trường bộ đĩa tròn kim nhũ chữ đen với nhan đề là *Trảm Trịnh Ân*, *Đào Tam Xuân báo phu cừu* do các danh ca Tư Xe và Tư Sạng ca.

Trong bộ đĩa 20 câu vọng cổ *Xử tội Bàn Quý Phi*, cô Tư Sạng đã làm rơi lệ biết bao thính giả khắp miền sông nước Cửu Long với một giọng ca âu sầu tha thiết, Bàn Quý Phi - Tư Sạng van xin chồng là vua Tống Nhon Tôn tha cho khỏi chết theo lệnh Tam Ban Trào Điển, đã gọi cho người nghe một mối thương tâm ai oán nào nùng.

Những năm tháng tên tuổi của nam đệ nhất danh ca Út Trà Ôn nổi tiếng qua bộ đĩa *Tôn Tấn giả điên* (tròn trắng, chữ đen) nhip 16 đợt đầu thì nữ đệ nhất danh ca Tư Sạng cũng nổi danh qua đĩa *Đêm khuya trông chồng* và như là bộ đĩa mà nhạc sĩ Bảy Hàm đàn guitare độc chiếc, dây Rạch Giá cho cô Tư Sạng hát 20 câu vọng cổ *Tình Mẫu Tử*, với những lời lẽ vô cùng xúc động khi mẹ dạy con.

Xin trích lại 6 câu vọng cổ *Tình Mẫu Tử* mà một thời là khuôn vàng thước ngọc để dạy các cô gái trước khi về nhà chồng. :

1- *Con ôi ! Tháng Chạp đến đây là ngày tên con phải ghi vào cuốn sổ nhân duyên, giương cung đèn bấn phím tơ loan, đèn bản cầm sắc cho nhưn duyên trăm năm được bền chắc.*

2- *Đã mười năm qua, ngày tháng lạnh lùng, mẹ già con cô cam sống lẻ loi hiu quạnh giữa tuổi còn xuân, chịu trải tuyết dầm sương với cuộc đời, đi thăm về thương.*

3- *Cốt mong dạy dỗ cho con cho đến lúc trưởng thành, nên danh với thiên hạ. Vậy tuổi cập kê vừa phải lúc, con nên chừa những nét xấu xa là rên lấy công, dung, ngôn, hạnh, đến khi xuất giá từng phu, mới có thể gọi là một đấng dâu hiền vẹn được câu tứ đức tam tòng.*

4- *Con có hiểu gì dâu, hồi con mới lên 8 cái xuân thì cha con lia bỏ cõi trần, chỉ có mẹ con chịu chút đến nay con được khôn lớn phải bước vào vòng chồng vợ. Vậy con nên nhớ, sách có câu “ Nữ sanh ngoại tộc “ ai ai cưới dâu cốt để nối dòng thì thân gái bao giờ cũng phải thờ phụng cho nhà chồng.*

5- *Vì con nên nhớ đối với bên nhà chồng, để làm tròn phận sự dâu con, đừng có nghịch trái với bên chồng, mà có những lời mả mai bên tai mẹ, làm mẹ cam chịu lạnh lùng với chanh khế, bưởi bòng.*

6- *Một khi con có về nhà chồng, thì con phải dè dặt, chớ khá mạnh tay rơi vỡ. Còn ý chị em gái bên chồng thì con chớ chạm đến lòng tự ái của người . Vì những đàn em dại nó hay để ý những chuyện vặt vụn, vậy con cố giữ, đừng để tiếng cay đắng đến mẹ, mà mẹ chịu thiệt thòi. . .*

(ghi lại theo bộ đĩa *Tình Mẫu Tử* tròn trắng chữ đen, ASIA phát hành, cô Tư Sạng ca, Bảy Hàm đàn guitare độc chiếc, đợt đĩa 1942 - 1947)

Với trên 100 bộ đĩa trong những tháng năm dài cộng tác với các hãng đĩa, cô Tư Sạng thật xứng đáng với danh hiệu nữ đệ nhất Danh Ca thời tiến chiến.

Cô xa rời sân khấu trình diễn để có thời gian thu thanh cho hãng đĩa và cô Tư Sạng đã tan vỡ hạnh phúc với anh Năm Châu dù hai người đã có chung với nhau năm đứa con. Sau đó, cô Tư Sạng trở thành vợ thứ của ông Năm Mạnh. Bà vợ chánh thất của ông Ngô Văn Mạnh tên là bà Phan thị Liên, có với ông Mạnh tám người con: Ngô Văn Minh, (du học ở nước Anh), Ngô Văn Đức, Ngô Văn Ngọc, Ngô Văn Châu học ở Pháp. Bốn cô cậu còn lại là Ngô Văn An, Ngô Văn Phước, Ngô Thị Huệ, Ngô Thị Hạnh.

Năm 1995, khi anh Năm Hùng còn sinh tiền, tôi có cùng các anh Năm Hùng, Cò Lôi, Cam Văn Công chơi đàn ca tài tử, chúng tôi có gặp cháu Ngô Văn Phước, hiện nay cùng mẹ và các anh, em định cư ở Montréal.

Cô Tư Sạng mất năm 1955, ông Ngô Văn Mạnh mất ngày 4 tháng 1 năm 1957. Hai người an giấc ngàn thu bên cạnh nhau trong khu nghĩa trang riêng của gia tộc ở Phú Lâm - Chợ Lớn.

Anh Năm Châu rất đau buồn trước sự gãy đổ hạnh phúc gia đình, nỗi đau đớn, hận tình được bộc lộ ngay trong sáng tác phẩm của anh. Theo dõi quá trình sáng tác của anh Năm Châu, tôi thấy như sau:

năm 1923, tuồng *Nghĩa Bộc Thủ Phần, Tiên Biệt Phu*

1924 : *Tái Sanh Duyên, Mổ Tim Tỷ Can, Thôi Tử Thí Tề Quân, Võ Tòng Sát Tẩu, Anh Hùng náo Tam Môn Giai.*

1926 : *Mộc Quế Anh đưng cây.*

1927 : *Tội của ai, Ngọn Cờ Hiệp Sĩ.*

1928 : *Tiếng Nói Trái Tim.*

1929 : *Bằng Hữu Bình Nhung (phóng tác theo Les Trois Mousquetaires)*

1930 : *Hồn Chinh Phụ (viết chung với Tư Trang)*

1934 : *Mộng Hoàn Công Chúa (viết chung với Tư Trang, Huyền Châu Nữ.*

1936 : *Túy Hoa Vương Nữ (phóng tác theo Marie Tudor của Victor Hugo). Tố Hoa Nương (thoại kịch), Đêm Không Ngày (thoại kịch, chuyển thành tuồng cải lương).*

Xin có điểm lưu ý là từ năm 1923 đến năm 1936, những tuồng cải lương hoặc thoại kịch của anh Năm Châu sáng tác đều hoặc mượn cốt chuyện trong truyện Tàu hoặc phóng tác theo kịch của Pháp, của Anh. Tuồng viết chung với anh Tư Trang là tuồng dã sử, hoặc chuyện tình ở nông thôn giữa kẻ phú hào và người cày thuê cấy mướn.

Sau khi bị cô Tư Sạng phụ tình, đến năm 1937, anh Năm Châu sáng tác vở kịch “ *Phũ Phàng* “ sau thành tuồng cải lương “ *Men Rượu Hương Tình* “ nội dung nói về Cô đào hát tham tiền, phụ rẫy người chồng là nghệ sĩ nghèo, để chạy theo kẻ khác giàu sang. Anh chồng kép hát vẫn đeo đuổi theo nghiệp cầm ca, giải buồn bằng men rượu, và gục chết trên sân khấu sau đêm diễn tuồng. Những lời than thân, oán trách người tình được viết rất công phu, nói lên nỗi lòng ray rứt giữa sự chọn lựa:

đeo đuổi theo nghiệp cầm ca hay bỏ cái nghề ca hát để theo đuổi người tình? Rõ ràng đây chính là nỗi lòng của tác giả.

Trước 75, báo chí kịch trường Sài Gòn có đưa ra lý giải khác là Anh Năm Châu dùng tuồng đó để nói lên tình cảm của anh với cô Phùng Há. Hai người là hai bạn diễn ăn ý với nhau nhất, nhiều tình cảm gắn bó nhau, có thể ngầm hiểu là đã yêu nhau. Nhưng năm 1926 thì anh Tư Chơi đã thành duyên với cô Phùng Há và sanh được đứa con gái đầu lòng là Trương Bửu Trân, như đã nói ở đoạn trước.

Đến năm 1937, khi anh Tư Chơi và cô Phùng Há xa nhau thì cũng là lúc cô Tư Sạng bỏ Năm Châu về với ông Năm Mạnh. Năm Châu đang chơi với, hận tình thì một lần nữa, cô Phùng Há, người bạn diễn mà cũng là người bạn tình, bước thêm bước nữa với Bạch

Công Tử. Vậy nên từng Phũ Phàng hay Men Rượu Hương Tinh có thể nói là nỗi lòng của Năm Châu sau khi thất tình. (Với Tư Sạng hay với Phùng Há cũng đều đúng cả).

5.1 - Nữ nghệ sĩ THANH - HƯƠNG

Thanh Hương thừa hưởng gương mặt đẹp của cha, giọng ca vàng của mẹ . Vào thập niên 50, sau Út Bạch Lan vài năm, khi hãng đĩa Hồng Hoa (hãng đĩa ASIA đổi tên) tung ra đĩa vọng cổ *Cô bán đèn hoa giấy* (tác giả Quy Sắc), nghệ sĩ Thanh Hương nổi lên như một hiện tượng: các rạp hát khi hát quảng cáo bằng loa phóng thanh trước cửa rạp đều có hát bản vọng cổ *Cô bán đèn hoa giấy* của Thanh Hương ca Đài Pháp Á, Đài Sài Gòn trong các chương trình ca cổ nhạc đều không quên giới thiệu giọng ca của Thanh Hương. Lúc đó, Thanh Hương và Út Bạch Lan là hai giọng ca ăn khách nhất của sân khấu cũng như của hãng đĩa. Sức hấp dẫn của giọng ca Thanh Hương là âm vực cao, tiếng rất trong trẻo, vang lộng, ngọt ngào, mà khi lâm ly thì rất là mùi, nghe thật êm tai. Lời văn bài ca *Cô Bán Đèn Hoa Giấy*, kể chuyện tình lãng mạn của một cô gái mới dậy thì với một chàng đẹp trai chưa hề quen biết, cũng là một yếu tố giúp cho Thanh Hương thành công trong bài ca vọng cổ này.



Thanh Hương con của Năm Châu

Tôi xin ghi chép lại bài ca này để quý vị khi cao hứng, ca ngâm để nhớ lại một giọng ca vàng đã khuất.

Hát Trống quân :

*Đèn tôi (này) phát giấy hoa hồng,
Đêm xuân (này) treo chôn thơ phòng thêm vui,
Ai mua (này) đèn giấy của tôi,
Quanh năm (này) suốt tháng rạng tươi như đèn lồng .*

Vọng cổ :

1- Năm ấy em vừa tròn mười bốn, quả tim non chưa biết rộn ràng. Cứ mỗi độ mai vàng nở nhụy đón xuân sang là mỗi độ em mang đèn ra chợ bán, khách chơi xuân tấp nập ở ven . . . đường,

*Em tựa thân cây dừa ven sông đứng lặng lẽ để rao hàng,
Mái tóc chấm ngang vai em chưa biết cài suôn sẻ. Em chưa biết niềm sầu mộng đau thương. Chỉ say mê nhìn tua tui chiếc đèn lồng phát phơ trước gió. . .*

*2- Bỗng từ xa bước lại, một thư sinh vết mực nâu còn điểm trên chiếc áo học tro, Người vừa xem đèn hoa rực rỡ vừa đưa lược chải mái đầu. Em say sưa nhìn lược quên cả lời với khách mua. Khách vuốt má em cho chiếc lược và khẽ hỏi:
” Hỡi cô bán đèn giấy hồng, đèn hồng cô bán, má hồng bán không?*

“ Em thẹn thùng đáp lại :

” Má hồng hãy hỏi song thân, em đây chỉ bán đèn hồng cho anh. . “

Đến năm em mười sáu . . .

ca Sơn Đông Hường Mã :

Khói chinh chiến bay vùng lên, máu đổ đầu rơi,

Em lia quê tìm nơi bình an

Cùng cha mẹ ra ngoài thành thị

Nên mấy năm liền em không còn bán đèn .

Vọng Cổ :

4- Lúc thanh bình trở lại em vội mang đèn ra cây dừa thỏ trước mỗi khi hoa xuân
lả lướt trên. . . cành. Em mong gió bốn phương đưa lại một người. Nhưng nào thấy bóng
ai đâu, chỉ thấy bóng em và đèn lung linh bến nước. Năm hai mươi xuân chẵn, em vâng
lời cha mẹ cất bước sang ngang. Xe hoa cuốn theo làn bụi mỏng, che mờ bao kỷ niệm
êm đềm.

5- Năm sau cây dừa ven sông nở bông đơm trái, thì em cũng nở nụ khai màu. Có
hôm em dẫn con đi bán đèn hoa giấy bỗng gặp lại người của năm nào. Em vội tìm
thanh lược cũ nhưng đã mất rồi trong lúc sang ngang. Khách nhìn em khẽ hỏi:

” Hỡi cô bán đèn giấy hồng, năm nay cô đã có chồng hay chưa? “ Em nghẹn ngào đáp
lại:

” Đèn hồng đã có người mua, má hồng đã bị nắng mửa phai rồi “.

6- Khách đau đớn cuối đầu quay bước, em nhìn theo rạo rạt chua cay. Khách
ngoảnh lại nhìn em mờ lệ, em lắc đầu buông tiếng thở dài. Kỷ niệm năm xưa vùng sống
dậy, em muốn chạy theo người để tỏ tác lòng em. Nhưng con em cất tiếng kêu “ Mẹ “,
em dừng chân nhìn nó mà lệ tuôn trào.

Con em là chiến tuyến của lòng

Ngăn không cho em theo người tình cũ .

Bóng người xưa vừa khuất xa xăm

Nhưng vẫn sống mãi đời đời trong em.

Giọng ca ngọt ngào của Thanh Hương đã để lại một dấu ấn sâu đậm trong lòng thính
giả qua bản vọng cổ *Cô bán đèn hoa giấy*, cũng như mấy mươi năm trước, mẹ cô, nữ
danh ca Tư Sặng được nhắc nhở mãi với giọng ca ngọt ngào
thiên phú qua bản vọng cổ *Tình Mẫu Tử* .



danh hài Văn Chung

Danh hề **Văn Chung**, tên thật Quách Văn Chung, sanh năm
1928 là ca sĩ nổi danh của Đài Phát Á, đài phát thanh Quốc
Gia ở Sài Gòn trong những năm 1947 - 1950. Trong những
dịp thu thanh ở Đài Phát Thanh hoặc trong các hãng đĩa mà
đôi danh ca Thanh Hương - Văn Chung gặp gỡ nhau, yêu
nhau, đưa đến việc thành chồng vợ.

Năm 1952, Thanh Hương - Văn Chung gia nhập gánh hát
Thanh Minh của Bầu Năm Nghĩa khi gánh này hát ở Vũng
Tàu. Văn Chung là kép mùi chánh. Thanh Hương và Út Bạch

Lan là hai đào mùi đang ăn khách nhất của đoàn. Cùng đứng trên sân khấu Thanh Minh còn có các kép ca như Năm Nghĩa, Minh Tấn, Quang Phục, Út Nhị và các hề nổi tiếng Châu Hí, Hề Văn Núi, Hề Kim Quang, kép độc Hoàng Giang, Vinh Sang .

Năm 1954, Thanh Hương và Văn Chung về hát cho đoàn Việt Kịch Năm Châu . Thanh Hương từng thủ những vai đào chánh trong tuồng *Miếng Thịn Người*, thế vai Tây Thi của Kim Lan khi cô này đau hay không đi hát các vùng xa được. Văn Chung có lần thủ vai Gia Lữ Sanh trong tuồng *Gió Ngược Chiều*.

Năm 1958, cô Thanh Hương mang thai, nên nghỉ hát. Cô sanh con gái đầu lòng ở Sài Gòn và đặt tên là Thủy. Lúc này Thanh Hương - Văn Chung là bầu gánh hát tên **Thanh Hương - Văn Chung**, Thủy được cha mẹ đem theo đoàn hát, Năm Thủy được 3 tuổi thì cha mẹ cô ly dị nhau. Văn Chung bỏ về Sài Gòn, Thanh Hương một mình lèo lái gánh hát, đành phải đem con về gửi cho bà Nguyễn Thị Giàn là người chị thứ ba của anh Năm Châu, tại trại Phước Chung ở phía bên kia Cầu Bông.

Thanh Hương bước thêm bước nữa với kép chánh **Hùng Minh**. Năm 1974, trong một “ca” “sanh khó, Thanh Hương từ trần.

Sau khi Thanh Hương mất, cô Bảy Kim Chưởng nhận Thủy về hát trong đoàn hát của cô và đặt cho nghệ danh là **Hương Chung Thủy**. (Hương là tên mẹ, Chung là tên cha, nhắc cho cháu Thủy biết là ông, bà, cha, mẹ đều là những nghệ sĩ tài danh, Thủy phải cố gắng thành đạt trên sân khấu để nối nghiệp ông cha) Hiện nay cô Hương Chung Thủy hát cho đoàn Long Giang tỉnh An Giang, hát các vai tuồng chánh, thế vai cho Hà Mỹ Xuân. Cô được Hùng Minh (dưỡng phụ) và bà bảy Kim Chưởng trực tiếp dạy nghề hát nên cô Hương Chung Thủy đang là một diễn viên sáng chói nhất của cải lương miền Tây.

5.2 - Nữ nghệ sĩ tài danh KIM CÚC : người vợ thứ ba của Năm Châu.

Nữ nghệ sĩ KIM CÚC, con gái lớn của nghệ sĩ tiền phong Bảy Nhiêu là người vợ cuối của anh Năm Châu từ năm 1948 cho đến ngày anh mãn phần, tháng 5 năm 1977. Chị Kim Cúc sinh năm 1922, chồng của chị, anh Năm Châu sinh năm 1906, lớn hơn chị 16 tuổi. Người Việt mình có lời nói ví von:



Gia đình nghệ sĩ Năm Châu – Kim Cúc

Chồng già vợ trẻ là tiên. Vợ già chồng trẻ là duyên ba đời.

Nếu chồng già vợ trẻ là tiên thì nói theo truyện Tàu, anh Năm Châu và chị Kim Cúc đúng là Tiên Đồng và Ngọc Nữ tái sinh, gặp lại nhau nơi trần thế, để tái hợp thành vợ chồng hạnh phúc, thủy chung. Nếu biết gia thế của chị KIM CÚC, biết cả một quá trình dài lâu của chị khi mới chập chững theo đoàn hát cải lương đến khi thành danh thì đối với

một người lớn tuổi hơn mình rất nhiều, đối với một người từng là bạn

thân thiết của cha mình mà chị chấp nhận kết hôn, phải thấy đó là do sự thán phục, lòng say mê nghệ thuật đưa đến tình yêu thương chân chính. Anh Năm Châu và chị Kim Cúc đều có chung một niềm say mê, một ước vọng chung là xây dựng một nền nghệ thuật cải lương “ Đẹp “ và “ Thật “, biến sân khấu thành Một Thánh Đường Thiêng Liêng. Cả hai yêu nhau và thấy cần sát cánh bên nhau để thực hiện lý tưởng chung nên việc hai người chung sống thành chồng vợ là điều tất nhiên.

Thân phụ của chị Kim Cúc, ông Huỳnh Năng Nhiêu, nghệ danh **Bảy Nhiêu**, sinh năm 1903, tại Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên. Trong những năm 1917 - 1918, ở các tỉnh miền Tây

(Bạc Liêu, Châu Đốc, Long Xuyên), phong trào đồn ca tài tử cổ nhạc rất là rầm rộ, ông Nhiêu cũng theo các bạn đi học đàn tranh, đàn kìm. Nhân dịp gánh hát Nam Đồng Ban của ông Bầu Hai Cu về tỉnh hát, ông đi coi hát hàng đêm, thích giọng ca của Hai Giỏi, kếp chánh và mê cô Năm Phỉ, duyên dáng trong vai Cô Ba Lưu Lạc. Năm 1919, khi gánh hát **Nam Đồng Ban** trở lại hát ở tỉnh Long Xuyên, ông Nhiêu trốn gia đình, đi theo gánh hát với hy vọng được đóng tuồng chung với cô Năm Phỉ, người nghệ sĩ tài danh, thanh sắc lưỡng toàn mà ông hằng mến mộ. Một năm sau, cha mẹ ông kiếm bắt ông về, buộc phải cưới vợ để có con nối dõi và giúp gia đình trông nom việc ruộng vườn. Năm 1922, đưa con gái đầu lòng chào đời là Kim Cúc, ông vẫn không quên ước

mộng được đứng trên sân khấu làm bạn đồng diễn với cô Năm Phỉ. Năm 1923, nhân dịp ông Vương Có lập gánh hát Tập Ích Ban, ông giao vợ con lại cho cha mẹ ông trông nom, ông gia nhập gánh Tập Ích Ban, được thủ vai kép chánh và được ông Bầu Vương Có đổi tên Bảy Nhiêu thành nghệ danh Lâm Sinh. Năm 1936, ông gia nhập gánh **Đại Phước Cường**, trên sân khấu này ông nổi danh trong vai Tống Nhơn Tôn, đóng cặp chung với Năm Phỉ trong vai Bàng Quý Phi. Bảy Nhiêu và Năm Phỉ được xuất ngoại qua Paris hát vở tuồng Xử Án Bàng Quý Phi, được báo chí và khán giả Paris nhiệt liệt ngợi khen tài ca, diễn của nghệ sĩ ở một xứ xa xôi. Trên sân khấu này, ông Bảy Nhiêu hát chung với các anh Năm Châu, Tư Chơi, Ba Du, Tám Mẹo, Từ Anh và các cô Ba Điều, Ba Liên.

Năm 1938, ông gia nhập gánh hát Tân Tân của ông Ký Đánh và bà giáo Chuẩn (chị ruột của nhà cách mạng Tạ Thu Thâu), dịp này ông mang theo Kim Cúc (16 tuổi) và Kim Lan (11 tuổi) để trực tiếp dạy nghề hát cho hai con. Trên sân khấu Tân Tân, hai



N.S Kim Cúc - Bảy Nhiêu - Kim Lan

cô Kim Cúc và Kim Lan phụ diễn những màn vũ đặc sắc, đồng thời hai cô được cha dạy ca những bài bản cổ nhạc. Hằng đêm, hai cô ngồi bên cánh gà xem hát, học lối ca, lối diễn của các nam, nữ nghệ sĩ đàn anh đàn chị. . .

Năm 1940, Kim Cúc được 18 tuổi, nổi danh qua vai Quan Bình trong tuồng Quan Công đập đập bắt Bàng Đức trên sân khấu Phước Cường và cũng đã làm say lòng khách mộ

điệu từ Nam ra Bắc khi đoàn hát này lưu diễn Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh miền Trung .

Năm 1941, nghệ sĩ Bảy Nhiêu và hai con gái Kim Cúc - Kim Lan lập **gánh hát Nam Phương** (Thanh Loan là đào chánh). Kim Cúc nổi danh qua vai Nữ quý tộc xứ Ba Tư trong vở tuồng *Màu sắc hương xa, Thuyền ra cửa biển*. Ông Bảy Nhiêu ăn ở với cô Ba Thanh Loan, có được một đứa con gái. Thanh Loan trao con cho vợ lớn của ông Bảy Nhiêu nuôi, đi đầu quân gánh hát khác. Gánh hát Nam Phương rã.



BA VÂN VAI PHE (NGƯỜI ĐIÊN)
KIM CÚC VAI BÈ
TUẦN " KHÍ NƯỚC ĐIÊN BIẾT YÊU

Tháng 3 năm 1946, nhóm nghệ sĩ chuyên nghiệp như Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Duy Lâm, Tư Út, Từ Anh, Hai Tiên, Ba Thâu, Sáu Ngọc Sương lấy xác gánh Nam Phương để thành lập « **Nhóm Con Tầm** » . “ Nhóm Con Tầm “ thu hút thêm nhiều nghệ sĩ tài danh như Bảy Nhiêu, Năm Nở, Tư Chơi, Năm Phỉ, Bảy Nam, Kim Thoa, Kim Cúc, Kim Lan. . . Đây là thời kỳ phát triển của sân khấu cải lương theo chiều hướng tuồng xã hội, dựa theo những tiểu thuyết xã hội đang được độc giả miền Nam ưa thích như :

Hồn Bướm Mơ Tiên, Một Tối Tân Hôn, Nỗi

Lòng Chị Bép, Gieo Gió Gặt Bão, Đời Cô Lựu, Tô Ánh Nguyệt. . . Nhóm Con Tầm do anh Năm Châu đứng đầu, chủ trương xây dựng một sân khấu Đẹp và Thật, anh trực tiếp đạo diễn, tập cho các nghệ sĩ ca, diễn theo quan điểm nghệ thuật của anh. Anh được ba soạn giả đồng thời với anh là Tư Trang, Tư Chơi, Năm Nở tán thành và ủng hộ. Thành công của các tuồng tích trên sân khấu “ Nhóm Con Tầm “ đã làm cho tên tuổi của nhiều diễn viên tài danh của sân khấu cải lương được giới báo chí mệnh danh là những ngôi sao kịch nghệ mà sáng chói hơn hết, nổi bật hơn hết như một vì sao Bắc Đẩu là tên tuổi của nghệ sĩ Năm Châu.

Từ nhỏ, Kim Cúc có nhiều dịp gần gũi với chú Năm Châu, được chú Năm Châu rèn luyện, dạy ca, dạy diễn, tình cảm và thâm tâm Kim Cúc chuộng mẫu người trí thức, giỏi tay nghề, danh tiếng lẫy lừng và đẹp trai như chú Năm Châu. Cuộc hôn nhân tuy có chênh lệch tuổi tác giữa vợ chồng nhưng cả hai chung sống rất hạnh phúc. Lúc này cô Kim Cúc đã 26 tuổi, cái tuổi đủ chững chạc để chọn



Phùng Há - Kim Lan

cho mình một tấm chồng xứng đáng với lòng tin yêu về nghề nghiệp và sự rung động của con tim. Kim Cúc đã không lầm khi chọn người bạn đời như anh Năm Châu, vì những năm tháng tiếp liền sau đó cho đến cái ngày nhắm mắt xuôi tay anh Năm Châu đã cưng yêu vợ, hết lòng giúp đỡ, nâng cao tay nghề và thủy chung gắn bó với Kim Cúc. Năm Châu đã làm cho khán giả và mọi người trong giới sân khấu quên bẵng sự chênh lệch tuổi tác giữa anh và vợ anh. Mọi người công nhận đó là một cặp vợ chồng lý tưởng, yêu thương nhau và luôn luôn có mặt bên nhau giữa những phong ba bão táp của cuộc đời và trên những bước đường thăng trầm của nghề nghiệp.

Năm 1948, nghệ sĩ Năm Châu thành lập **Ban Việt Kịch**

Năm Châu. Nữ nghệ sĩ Kim Cúc, dưới bàn tay phù thủy của đạo diễn Năm Châu, đã làm rung động trái tim của khán giả hâm mộ qua các vai: Nữ Hoàng Túy Hoa trong tuồng *Dân Chúng Trước Pháp Trường*, vai cô Bê trong tuồng *Khi Người Diên Biệt Yêu*, vai Hoàng Hậu trong tuồng *Gió Ngược Chiều*, vai Tây Thi trong tuồng *Tây Thi Gái Nước Việt*, vai bà Hoàng Hậu trong tuồng *Hàm Lệ*, Thái Tử nước Đan Mạch, vai vợ người chiến binh trong vở *Người Mặt Cháy*. . .

Tôi còn nhớ, năm 1952, anh Năm Châu mua được trại cửa bên kia cầu Bông, làm thành chỗ ăn ở cho cả đoàn Việt Kịch Năm Châu. Gia đình anh Năm Châu ở cái nhà sàn cất de ra sông phía tay mặt của trại. Gia đình của anh tư Trang cũng ở trong một cái nhà sàn cất de ra sông phía bên trái của trại. Khoảng giữa dành làm sân khấu giả để tập tuồng. Trong trại chia ra từng khoảnh để cho từng gia đình nghệ sĩ trong đoàn ở. Bếp là bếp chung, mỗi ngày nghệ sĩ ăn “ cơm hội “ như ở các trường nội trú.

Lúc này ở Sài Gòn đang có phong trào “ Truyền Bá Quốc Ngữ “, anh Năm Châu nhờ các học sinh và giáo sư trường Huỳnh Khương Ninh đến dạy cho các diễn viên và công nhân sân khấu dốt, để mọi người biết đọc, biết viết. Những diễn viên dù đã thành danh hay mới vào nghề, một tuần lễ hai ngày, phải học đọc sách, phải biết đọc những đoạn văn đối thoại, phát âm đúng giọng, nói rõ, nói lớn và nói đúng theo các dấu chấm, phết, dấu hỏi hay cách nói buông lửng câu văn. . . Anh nói đó là cách hay nhất để diễn viên học đối thoại trên sân khấu, hiểu rõ ý văn của tác giả và có một căn bản học vấn tối thiểu để tự nâng cao nghề hát của mình. Ngoài ra anh còn chủ trương thực hiện cuộc sống mới, cấm cờ bạc, hút sách, nghiện rượu và cấm nói tục, chửi thề, những thói hư tật xấu mà xưa nay vẫn thấy có trong các đoàn hát. Anh nói: « Muốn cho dân chúng xóa bỏ mặc cảm “ Xướng Ca Vô Loại “ đối với nghệ sĩ thì người nghệ sĩ tự mình phải chứng minh có cuộc sống văn minh, có văn hóa. Mình hát trên sân khấu, muốn xây dựng một nghệ thuật “ Đẹp và Thật “, mà bản thân người nghệ sĩ không đẹp thì khó mà thuyết phục được khán giả. Thủ diễn một vai chung thủy, hào hiệp, có đạo đức mà bản thân người nghệ sĩ bê bối quá thì khó mà thành công trong các vai tuồng đó trên sân diễn. »



Nghệ sĩ Kim Lan

Chị Kim Cúc, Kim Lan, hai cô đào chánh ăn khách nhất của đoàn là hai người gương mẫu nhất trong việc thực hiện chủ trương sân khấu thật và đẹp của anh Năm Châu. Gương mẫu trong cuộc sống chung trong đoàn, nhất là đúng giờ tập tuồng, giờ ăn, giờ hát và giờ ngủ. Người ngoài nghề hát không thấy hết sự quan trọng trong việc bắt buộc nghệ sĩ phải tuân thủ đúng giờ giấc quy định. Khi văn hát, ăn uống, tắm rửa xong là đã hơn 12 giờ khuya, nếu chung sống trong một trại mà không có quy định giữ im lặng và nghỉ ngơi, họ sẽ không thể nào thức dậy đúng giờ để tập tuồng mới, sẽ không còn sức khỏe để hát những đêm sau nếu để các tệ trạng cờ bạc, rượu chè, hút sách tồn tại trong

cuộc sống của người nghệ sĩ. Đó chỉ mới nói đến vấn đề sức khỏe, chưa nói đến nhân cách của một người nghệ sĩ cần phải giữ gìn, đừng để những tai hại của tư đồ tưởng lôi kéo đời mình vào cuộc sống sa đọa, chuốc lấy sự miệt khinh của xã hội.

Năm 1952, đoàn Việt Kịch Năm Châu tập tuồng Tây Thi Gái Nước Việt. Các em vũ nữ, đúng 8 giờ sáng thì phải sẵn sàng để học các điệu múa trong tuồng. Chị Kim Cúc và Kim Lan phải có mặt để học 72 đường kiếm thuật do một ông thầy võ người Tàu trong Chợ Lớn đến trại dạy. Các diễn viên khác cũng phải sẵn sàng, dò tuồng và học thuộc vai diễn của mình. Đúng 9 giờ thì lên sân khấu giả, ráp tuồng, học ca, học diễn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Năm Châu. Tuy là tập tuồng nhưng các diễn viên phải diễn như đang hát thật trên sân khấu, không thể làm qua loa lấy có. Kim Cúc, Kim Lan hay Hoàng Kinh, Ngọc Đáng đều phải tuân thủ quy định cách tập tuồng của anh Năm Châu. Kim Cúc được anh Năm Châu tập từng bước đi sao cho có vẻ cao sang vương giả, tập từng cách chuốc rượu, liếc mắt đưa tình với Ngô Phù Sai. Anh Năm Châu thường nói :” Diễn xuất hay, không phải chỉ chú trọng nơi động tác hình thể đẹp, mà chính là dùng hình thể đẹp, thật, để nói lên được nội tâm của nhân vật theo đúng lớp tuồng đó. “

Kim Cúc thể hiện một cách tài tình cái tâm lý phức tạp của Tây Thi: vừa hào hùng, vừa thương cảm, vừa lẳng lơ trong nhiều lớp khác nhau. Khi chuốc rượu cho Ngô Phù Sai trên Cô Tô Đài thì lả lơi, uyển chuyển, nũng nịu, liếc mắt đưa tình; cũng trong lớp ở Cô Tô Đài, gặp Phạm Lãi, Tây Thi hờn dỗi, trách sao bắt nàng chờ đợi mãi, cũng là nũng nịu, tâm tình mà sao có vẻ dịu dàng, khả ái.

Tây Thi :

Ôi chờ đợi ! . . . Biết đợi chờ đến bao giờ ?

Chờ thời cơ ! Chờ cuộc thế thịnh suy !

Chờ lương thực dồi dào ! Chờ mutu kế !

Em đợi mãi . . . phút chờ mong chẳng đến .

Phạm Lãi (do Phùng Há đóng) :

Không ! Ba ngày nữa quân ta sẽ đồng tiến,

Sẽ đập bằng thành quách của Phù Sai . . .

. . . Em phải hứa, suốt ba ngày mê loạn

Đắm Phù Sai trong những cuộc truy hoan . . .

Em hứa đi cho non nước reo mừng,

Tây Thi nhìn sững Phạm Lãi, nói rất rõ, lời hứa chắc nịch :

Em xin hứa !

Phạm Lãi quỳ sụp xuống dưới chân Tây Thi :

Tây Thi hỡi ! Nay lời cảm tạ !

Lòng yêu nước muôn đời ghi mặt đá .

Đức hy sinh truyền tụng mãi ngàn thu !

Tây Thi ! Nàng sẽ trả được quốc thù .

Và . . . Vạn kỷ còn nêu danh gái Việt !

Chỉ một lớp đối thoại trên đây mà cô Phùng Há và Kim Cúc phải tập đi tập lại mãi, tập hàng tuần vẫn chưa làm hài lòng đạo diễn Năm Châu. Anh Năm nói:

“Nội dung câu văn tuy chỉ nói đến mưu toan mê hoặc Phù Sai để quân Việt tiến công nhưng không thể nói mạnh bạo, hào hùng như cách thúc quân xông trận, vì nói với nhau tại Cô Tô Đài, tức là nơi đất giặc thì phải giữ vẻ bí mật, nói nhỏ nhưng rất trang trọng; thêm vào đó, lời thoại không nhắc đến tình yêu của Phạm Lãi và Tây Thi, nhưng hai người yêu nhau, xa nhau vì nhiệm vụ, gặp lại nhau, tuy không nói ra lời, nhưng phải diễn bằng hành động, bằng ánh mắt, nụ cười, bằng cái vẻ quyến luyến chẳng nở rời nhau. . . để khán giả cảm thấy được mối tình cao thượng và đầy ngang trái của Phạm Lãi và Tây Thi “.

Chị Kim Cúc là một nghệ sĩ lớn, rất tôn trọng nghề nghiệp nên khi nhận diễn vai tuồng nào thì chị nghiên cứu kỹ tính cách nhân vật, nghiên cứu từ cách nói năng, đi đứng, hành động của nhân vật, làm cho nhân vật thực sự sống động trên sân khấu. Về ca bài bản trong tuồng, chị Kim Cúc cũng bỏ công tập ca nhiều lần với nhạc sĩ, vừa ca đúng hơi Nam, hay Bắc, hay Oán, vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật trong câu ca.

Năm 1955, khi hát Hội, chị thủ diễn vai Điêu Thuyền lớp « nhập trường », một lớp tuồng mà các thế hệ diễn viên trẻ như Thanh Nga, Kim Cương, Tô Kim Hồng dễ dàng thành công nhờ cái thanh xuân tươi mát, Chị Kim Cúc nhờ vào kỹ thuật diễn xuất, chất lọc từng động tác thích hợp nhất nên trong lớp chúc rượu cười cợt lá lơi với Đổng Trác, Điêu Thuyền - Kim Cúc còn làm cho khán giả thấy được nỗi đau trong lòng khi yêu Lữ Bố anh hùng, đẹp trai mà lại phải đi cung phụng cho một ông già gian hùng dâm loạn.

Cũng năm 1955, khi đoàn Việt Kịch Năm Châu rã, Tám Kiệt, Chị Hai Nữ dùng xác gánh này lập thành đoàn hát Phước Chung. Gia đình anh Năm Châu, chị Kim Cúc, Kim Lan, ông Bảy Nhiêu tập hợp thành nhóm chuyển âm phim cho hãng phim Mỹ Phương và hãng phim Mỹ Vân. Về ngành phim ảnh, gia đình anh Năm Châu không gặt hái được sự thành công như mong muốn.

Những năm cuối thập niên 1950, khởi đầu những năm 1960, sân khấu cải lương có sự chuyển biến lớn: những giọng ca vàng, những ông vua, bà hoàng vọng cổ bắt đầu ngự trị trên sân khấu cải lương. Thế hệ đàn anh, đàn chị, những bậc thầy về diễn xuất phải dần dần nhường bước cho lớp nghệ sĩ trẻ, dù lớp nghệ sĩ này chưa biết hát, chưa diễn xuất hay, nhưng họ ca vọng cổ được khán giả ưa chuộng. Các vị khán giả ái mộ cải lương nhớ lại từ những năm 1960 trở về sau này, những năm 1970, tên tuổi của vua vọng cổ Út Trà Ôn, các giọng ca vàng Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Út Hiền, Minh Vương, Minh Phụng, Minh Cảnh, Dũng Thanh Lâm, Út Hậu, Phương Thanh, Tấn Tài, Thanh Hải và các giọng ca vọng cổ mượt mà như Sầu nữ Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Mỹ Châu, Lệ Thủy, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Thanh Nga, Thanh Kim Huệ, Thanh Nguyệt đã chiếm lĩnh sân khấu cải lương và các hãng đĩa. Khán giả ít thấy xuất hiện những tên tuổi diễn viên lớn trong đợt nghệ sĩ tiền phong.

Năm 1958, chị Kim Cúc cộng tác với đoàn Thanh Minh, đóng vai sơn nữ họ Nùng trong tuồng *Núi Liễu Sông Bằng* của Thiếu Linh - Thành Phát. Năm 1960, chị Kim Cúc dạy cho Thanh Nga hát vai Hoàng Hậu trong tuồng *Gió Ngược Chiều* của anh Năm Châu phóng tác Ruy Blas của Victor Hugo .

Từ năm 1962, khi anh Năm Châu được mời làm giáo sư kịch nghệ của trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn thì chị Kim Cúc, anh Duy Tân, anh Năm Nở, chị Ngọc Ánh và nhạc sĩ Hai Khuê, Sáu Tửng, cũng được mời làm giáo sư giảng dạy chung trường với anh Năm Châu.

Sau 1975, chị Kim Cúc được mời làm giáo sư kịch nghệ cho nhà hát Trần Hữu Trang. Anh Năm Châu và chị Kim Cúc có với nhau sáu người con :Nguyễn thị Xuân Hợi (con gái đầu lòng) tốt nghiệp piano trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn, Nguyễn thị Nguyệt Thu, tốt nghiệp Violon, vợ thứ của soạn giả Hoa Phượng, Nguyễn thị Kim Khánh, Nguyễn thị Ngọc Thanh, Nguyễn thị Hồng Dung, hiện giờ là đạo diễn cải lương, phụ trách sân khấu cải lương thể nghiệm ở 5B Võ Văn Tần (đường Trần Quý Cáp cũ), Nguyễn Thành Long

Ông Bảy Nhiêu, từ sau khi rời đoàn Việt Kịch Năm Châu năm 1955, về đình Phú Hòa Tân Định, mở quán cà phê sinh sống. Thỉnh thoảng ông có tham gia việc chuyển âm phim, hoặc đóng phim (vai sư cụ trong phim « *Quan Âm Diệu Thiện* » của hãng Mỹ Vân Phim). Ông mất năm 1976 .

Chị Kim Cúc bị tai biến mạch máu não, mất ngày 24 tháng 6 năm 1991.

Chị Kim Lan cũng bị tai biến mạch máu não từ năm 1998, nằm liệt một chỗ cho đến ngày 20 tháng 3 năm 2000 thì chị từ giả cuộc đời.

Một điều rất đau xót cho những ai từng quen biết đại gia đình nghệ sĩ Nguyễn Thành Châu, suốt đời cống hiến cho nghệ thuật sân khấu, đến khi mất thì không được quản nơi nhà hội nghệ sĩ. Lúc đưa tang cũng ít nghệ sĩ theo đưa tới mộ phần. Vì thời cuộc chẳng ? Những năm 1976, 1977, giới nghệ sĩ còn chật vật với cuộc sống mới. Phải chăng đó là tâm trạng của những người bị chìm ghe giữa biển khơi, mạnh ai nấy lợi. Không ai có đủ tâm trí và thời giờ để coi ai lợi bên cạnh mình giữa cảnh ba đào sóng vỗ. Chị Kim Cúc mất có một số học trò đi đưa đám táng. Kim Lan thì buồn thảm hơn .

5.3 - Mối tình dang dở của đôi nghệ sĩ tài danh Năm Châu - Phùng Há.

Người Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu nặng về đạo đức Khổng Mạnh, buộc người đàn bà Việt Nam phải tuân theo “Tam Tông, Tứ Đức”, tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử. Vì vậy khi thấy có cảnh thay chồng đổi vợ, người ta thường chê bai, dèm xiêm. . . Giới nghệ sĩ nói chung (cả tân lẫn cổ nhạc) thường chịu nhiều tai tiếng về điểm này, nhưng tôi nghĩ là trong cuộc sống, không thiếu chi là những cảnh tình duyên trắc trở, thay chồng đổi vợ. Nhưng đối với người dân, thường thì chuyện đó bất quá chỉ đồn đại trong thôn xóm, và sau một thời gian ngắn, người ta quên đi. Sở dĩ nghệ sĩ thường có tai tiếng chỉ vì họ sống dưới ánh sáng chói chang của muôn ngọn đèn màu, muôn mắt, muôn tai của khán thính giả ngày đêm đều nhìn thấy họ, nghe họ ca hát, tâm tình, và báo chí, đài phát thanh không ngớt kể chuyện về những nghệ sĩ nổi danh đó. Vậy nên chuyện tốt, chuyện xấu gì cũng được phơi bày ra cho mọi người biết. Những chuyện tình ái riêng tư càng được tò mò tìm hiểu. Có ký giả xấu bụng thường làm rùm beng lên việc tư riêng của nghệ sĩ để “câu” độc giả. Chính vì vậy mà thành kiến xướng ca vô loại không phải dễ dàng mà xóa đi được.

Khi về thăm quê hương lần trước, tôi có dịp đọc lại các tờ báo Thần Chung, Tiếng Chuông, Tiếng Dội, Kịch Ảnh, Nhân Loại trang kịch trường, tôi tìm được một số tài liệu về các soạn phẩm nổi tiếng của anh Năm Châu, đồng thời tôi cũng đọc được một số tài liệu liên quan tới mối tình của cô Bảy Phùng Há và anh Năm Châu trong các năm 1928 - 1934, mối tình của cô Bảy Phùng Há và vị Bạch Công Tử Phước Georges ở Mỹ Tho mà nhà văn Hứa Hoành từng nhắc tới trong các quyển Nam Kỳ Lục Tỉnh.

Nếu chỉ biết qua thân thế của anh Năm Châu với 3 bà vợ liên tiếp, với 11 người con như đã kể trên thì người ta sẽ phân vân không biết mối tình Năm Châu - Phùng Há có thể xảy ra vào thời điểm nào, và không thể hiểu vì sao mà mối tình đó có một dấu ấn sâu sắc với cô Bảy Phùng Há và anh Năm Châu, đến nỗi sau 60 năm dang dở, cô Bảy Phùng Há còn hường ra mộ anh Năm Châu, một người bạn diễn, một người tình xưa, một kẻ đã về cõi vĩnh hằng rồi, để mà ca lại 12 câu vọng cổ chia tay, lưu niệm



Phùng Há, 'Năm Châu trong vở 'Vợ và tình''

từ năm 1928 .

Khi vào nghề, cô Phùng Há là cô gái mới lớn lên, sáng sân khấu, có giọng ca hay, học ca, học hát đều mau giỏi, nên anh Năm Châu hết sức chỉ dạy nghề ca hát cho cô

Phùng Há. Chỉ trong một thời gian ngắn, cô Phùng Há đã nắm vai đào chánh, hát xứng đào xứng kếp với anh Năm Châu. Đối với anh Năm Châu, đây là mối tình đầu vừa chớm nở, thì bất ngờ anh Tư Chơi, nhạc sĩ đàn đờn trong gánh hát, thường đờn, dạy cô Phùng Há ca, tuyên bố kết hôn với cô Phùng Há. Năm sau (1927), Phùng Há sanh đứa con gái đầu lòng, đặt tên là Bửu Chánh.

Năm 1929, Tư Chơi là một nhạc sĩ giỏi, một tác giả tài ba, vừa thành công lớn qua hai tuồng do anh sáng tác: đó là vở *Khúc Oan Vô Lượng* và vở *Tội của Ai*. Tư Chơi rượu chè say sưa suốt ngày và bắt đầu theo đuổi cô Kim Thoa, một cô đào lai Tiều, rất đẹp và ca cũng rất hay, bỏ mặc kệ cô vợ trẻ Phùng Há.

Cô Phùng Há phải gửi Bửu Chánh cho mẹ cô ở Mỹ Tho nuôi dưỡng, cô xa rời anh Tư Chơi bằng cách gia nhập gánh hát mới thành lập mà bầu gánh chính là một vị Công Tử con nhà giàu nứt ở tỉnh Mỹ Tho, đó là cậu Tư Phước Georges, cậu có một biệt danh được ghi vào lịch sử ăn chơi khét tiếng của các cậu công tử ở Nam Kỳ: đó là tên Bạch Công Tử (miền Tây, có một vị công tử khác được xưng tụng là Hắc Công Tử, tức là cậu Ba Qui, con của ông Hội Đồng Trạch).

Gánh Huỳnh Kỳ của Bạch Công Tử Phước Georges là một đại ban, nhiều soạn giả có tài, diễn viên nam, nữ đều thính sắc lưỡng toàn nên hát rất đông khách, tạo khí thế mạnh mẽ cho ngành nghệ thuật cải lương non trẻ được phát triển mau lẹ, càng ngày càng thu hút đông đảo khán giả ái mộ.

Sở dĩ ông Phước Georges lập gánh Huỳnh Kỳ chỉ vì ông mê cô đào danh tiếng Phùng Há, vì vậy không lâu sau đó, cô Phùng Há trở thành bà bầu gánh Huỳnh Kỳ, chính thức là vợ của Bạch Công Tử Phước Georges. (1929 - 1934).

Khi anh Tư Chơi và cô Phùng Há lấy nhau, sanh ra Bửu Chánh thì Năm Châu buồn tình, bỏ gánh Tái Đồng Ban, qua hát cho gánh hát Trần Đắc của ông Bầu Trần Đắc Nghĩa. Đến khi biết chuyện Tư Chơi bỏ rơi Phùng Há, anh kệt giao kèo với gánh Trần Đắc, không thể qua Huỳnh Kỳ được, cô Phùng Há bước thêm bước nữa để trả đũa Tư Chơi và thỏa mãn mộng làm bầu. Năm Châu không đủ tài lực để tranh đoạt lại người yêu khỏi tay Bạch Công Tử, đành chịu trễ tàu, ngồi nơi bến đợi mà nhìn con thuyền mộng ra khơi.

Ở gánh hát Trần Đắc, anh Năm Châu đóng tuồng cặp với đào chánh Sáu Trâm, anh đã bỏ ra không ít công phu đào luyện cô Sáu Trâm. Kết quả là họ thành công trên sân khấu cải lương và cũng thành chồng vợ trên sân khấu đời.

Đào kếp hát thường tranh tài đua sắc, khán giả là những vị giám khảo công minh. Khi khán giả ái mộ diễn viên này, chê diễn viên nọ thì trong gánh hát, các vai chánh nứt định phải thuộc về người được khen, dầu trước đó thuộc về ai cũng mặc. Gánh Trần Đắc đã có thêm những cô đào sáng giá làm cho vị trí ban đầu của cô Sáu Trâm phải thay đổi . Cô Tư Sặng, nổi danh với Năm Châu trong vở *Khúc Oan Vô Lượng*, *Lỡ Tay Trót Đã Nhúng Chàm*.

Cô Sáu Ngọc Sương và Năm Châu trong tuồng *Một Tối Tân Hôn*.

Cô Năm Phỉ và Năm Châu trong *tuồng Huyền Châu Nữ, Túy Hoa Vương Nữ*.

Cô Thanh Loan và Năm Châu trong *Hồn Bướm Mơ Tiên*

Cô Sáu Trâm cho rằng anh Năm Châu nghiêng về các cô đào mới, chăm sóc chỉ dạy cho cô Tư Sặng nhiều hơn cô nên hờn ghen. Cô rời bỏ anh Năm Châu, đang đêm bỏ gánh hát đi biệt tích.

Năm Châu và Tư Sặng thành hôn với nhau, sanh ra một loạt những đứa con thì Bạch Công Tử và Phùng Há cũng chia tay nhau.

Bạch Công Tử, Phước Georges tên thật là Lê Công Phước, sanh năm 1896, con của Đốc Phủ tỉnh Mỹ Tho Lê Công Xứng. (ghi theo lời kể của cô Phùng Há, và tài liệu của ông Trần Tấn Quốc trên báo Tiếng Dội Kịch Trường. Tài liệu của ông Hứa Hoàn thì Bạch Công Tử là con của ông Đốc Phủ Mầu ở Mỹ Tho.)

Cô Phùng Há nói :

“ Tôi còn nhớ, năm 1934, lúc đó gần Tết, gánh Huỳnh Kỳ hát ở rạp Thầy Năm Tú ở Mỹ Tho. Gánh hát lúc đó sa sút, hát ế. Ông (tức Phước Georges, Bạch Công Tử) chỉ lo hút sách, theo đuổi các cô gái đẹp như cô Joséphine Lê Ngọc, Marie Anne Lê Thị Nhị, xài phung phí tiền của như nước lã, bỏ mặc gánh hát không hề chăm sóc tới. Tôi ở với ông đã có hai đứa con gái. Lúc đó hai con tôi bị bệnh ban của lưỡi trắng, không tiền thang thuốc, không tiền đi khám bác sĩ. Tôi cho người đi kiếm ông để báo tin, kêu về lo cho con thì họ nói là ông hút thuốc phiện ở khách sạn Minh Tân, gần ga xe lửa. Ông nhắn về là nếu không tiền thì cầm bán áo mào gánh hát mà xài. Ghe chài thì ông vay nợ Chà Setty, cầm cố hết rồi. Đêm đó, hai đứa con tôi chết, báo tin, ông cũng không thèm về nhìn mặt con lần cuối. Anh em trong gánh hát giúp chôn cất con tôi ở Nhị Tì Quảng Đông, xã Tân Mỹ Chánh, đường đi về Gò Công. . . Tôi buồn khổ, bỏ gánh hát về ở với má tôi ở xóm lò gạch, đường qua lộ Giồng Nhỏ. Ông cũng không thèm kiếm tôi về và bỏ cho gánh hát Huỳnh Kỳ rã ở Mỹ Tho trong dịp Tết năm đó.



Cha chồng tôi, ông đốc phủ Xứng là bạn thân với ông huyện Nguyễn Huỳnh Chung ở Chợ Gạo. Ông huyện Chung có người con trai là Nguyễn Hoàng Phi, kết bạn thân với chồng tôi, nên khi gánh hát Huỳnh Kỳ rã, Bạch Công Tử vì ghiền ngập, sa sút thì cậu Hoàng Phi, lúc đó là điền chủ ở Chợ Gạo có ra tiền giúp đỡ. Cậu Hoàng Phi mượn một căn nhà số 3 đường Ngô Tùng Châu Sài Gòn cho Phước Georges ở, hàng tháng chu cấp cho tiền sinh sống. Vào khoảng năm 1949, tôi, anh Năm Châu, anh Ba Vân, anh Mười Út Trà Ôn, anh Năm Nở, chúng tôi thường ghé thăm và giúp đỡ tiền nong. Cuối năm 49, ông Hoàng Phi đưa ông Phước Georges về Chợ Gạo chăm sóc. Cuối năm 1950, ông Phước Georges mất, chôn tại

đất nhà của Ông Phi. Tôi có đi viếng mộ Bạch Công Tử và có chụp hình mộ của ông

Hoàng Phi trước mộ Bạch công

với ông Nguyễn Hoàng Lữ là người giữ mộ, con của ông Phi.

Theo lời khuyên của “Ảnh” (tức Năm Châu, một lối gọi thân thương của cô Phùng Há khi nói về anh Năm Châu), năm 1935, tôi gia nhập gánh Trần Đắc, hát tuồng Mộc Quế Anh Dưng Cây, tôi đóng vai Mộc Quế Anh, ảnh đóng vai Dương Tôn Bảo. Hát ăn khách dữ lắm, nhưng gia đình của ảnh có vẻ không êm ấm như trước khi tôi về Trần Đắc. Tình cảm của ảnh đối với tôi còn nồng nàn hơn trước kia, tôi sợ làm gãy đổ gia đình của ảnh, tôi quyết định bỏ gánh hát Trần Đắc ra đi, để mỗi người yên bề cuộc sống của mình. Năm 1941, tôi quyết định có chồng (lúc đó tôi 30 tuổi), ảnh nhờ người trao cho tôi bức thư, đó là 12 câu vọng cổ do ảnh viết ra, hờn trách tôi bạc tình. Ảnh bỏ gánh Trần Đắc, đi Hà Nội theo gánh hát Đại Phước Cường”.

Anh Năm Châu theo gánh hát Đại Phước Cường ra Hà Nội. Thời gian này anh sáng tác vở kịch Phụ Phàng để gửi gắm niềm tâm sự. Vở kịch này khi về Nam, được chuyển thể thành tuồng cải lương để tựa là *Men Rượu Hương Tình*. Vở thứ hai kể tâm sự của anh cũng được viết ở Hà Nội, sau này hát ở Miền Nam, đó là vở *Sân Khấu Về Khuya*.

Tóm tắt chuyện tuồng Men Rượu Hương Tình như sau :

Nam Bình, một nghệ sĩ sống hết mình cho nghệ thuật, cùng với vợ là đào Thu Hồ, phiêu bạt giang hồ với gánh hát nhỏ của mình. Một ông Bầu gánh đại ban ái mộ tài nghệ, mời hai vợ chồng anh về hát với một hợp đồng nhiều quyền lợi. Nam Bình thấy về với đại ban, nghề nghiệp của hai vợ chồng anh có chỗ đắc dụng và có cơ hội phát triển hơn, nên nhận lời. Tên tuổi Thu Hồ ngày càng sáng chói, trở thành thần tượng của khán giả và Thu Hồ phải lòng anh kếp chánh của gánh hát là Bảy Minh vì hai người hát chung với nhau xứng đào xứng kếp. Dư luận bàn tán đến tai Nam Bình, anh không tin, nhưng vợ anh, Thu Hồ ngày càng xa lánh, lạnh nhạt với anh. Nam Bình đau khổ, nhưng với tâm niệm yêu nghệ thuật đến mức xem sân khấu là thánh đường cao quý nên Nam Bình dồn hết “trái tim khối óc” cho sân khấu. Tưởng nhờ đó sẽ quên sự bội bạc của vợ, nhưng nỗi buồn dần vật, chẳng buông tha cho anh. Nam Bình đâm ra

rượu chè, bê tha, tìm quên trong men rượu hương tình. Nghề của anh ngày càng xuống dốc, khán giả và bầu gánh chán anh. Một đêm, Nam Bình chứng kiến vợ anh hẹn hò với tình nhân. Nam Bình không can thiệp vì anh hiểu rõ tình yêu của họ đã quá mặn nồng. Nam Bình về gánh hát xưa, chia xẻ ngọt bùi với đồng nghiệp. Sức lực mỗi mòn nhưng vì cuộc sống của anh em trong gánh hát, Nam Bình vẫn phải đứng ra cáng đáng, hát trên sân diễn ọp ọp. Cuối cùng, trên

đã
trở
ca



MEN RƯỢU HƯƠNG TÌNH - NĂM CHÂU VỚI NAM BÌNH

giường bệnh anh đã vĩnh viễn ra đi, trên môi vẫn thảng thốt gọi tên Thu Hồ, vợ anh ngày xưa.

Trong toàn bộ sáng tác phẩm của anh Năm Châu, có nhiều vở phóng tác theo các kịch Pháp, kịch Anh. Đó là thời kỳ đầu dọ dẫm của sân khấu cải lương trước khi thoát khỏi ảnh hưởng của lối viết và diễn của hát bội. Sau đó anh Năm Châu, Tư Trang, Năm Nở, Tư Chơi sáng tác những vở xã hội, mượn bối cảnh đồng quê, với những chuyện liên quan tới những ngang trái của cuộc tình do sự cách biệt sang giàu, do áp bức của cường hào ác bá ở thôn quê. Anh Năm Châu có ba vở tuồng thoát khỏi chiều hướng suy nghĩ này, đó là những vở đề cập tới nghệ sĩ và cuộc đời nghệ thuật, gồm có ba vở : *Nợ Dâu*, *Men Rượu Hương Tình* và *Sân Khấu Về Khuya*.

Năm Châu với *Men Rượu Hương Tình* chính là một bản tình ca mang đầy dấn dáp của cuộc đời anh . Ở đó, người nghệ sĩ với tình yêu như bất chấp thời gian và không gian. Có lúc, nó như xâu chuỗi lại cả quá khứ, hiện tại và tương lai để mà yêu, mà ghen, mà gắn bó cuộc đời với nghệ thuật. Và hình như với nghệ sĩ Năm Châu, anh muốn ngưng đọng thời gian lại để mà chiêm nghiệm lại mình trong tác phẩm và trong tình yêu. Sân khấu, nổi đam mê cuồng nhiệt, là nơi Năm Châu đã sống và cũng là nơi Năm Châu dừng chân cuối cùng. Người ái mộ Năm Châu sẽ tìm thấy được tâm hồn, nỗi vui, nỗi buồn, nỗi đau đớn hay hoan hỉ của Năm Châu trong bộ ba tác phẩm :*Nợ Dâu*, *Men Rượu Hương Tình* và *Sân Khấu Về Khuya*.

Ngày anh Năm Châu mất, cô Bảy hay tin, chạy vô nhà thương, vấp té liên hồi. Chúng tôi phải chạy ra đỡ, dìu cô vô. Cô khóc, nắm vai anh Năm Châu lay gọi, như muốn vực anh Năm dậy :

“ Khoan, anh khoan đi. Anh có nghe không? Anh phải nghe tôi nói rồi mới yên lòng ra đi được. Tôi biết anh vẫn còn uất hận trong lòng, sợ dĩ tôi làm vậy . . . là vì anh, vì thương anh, thương vợ con anh. Giờ này. . . tới giờ phút này, tôi vẫn yêu anh “

Cô Bảy khóc ngất, nói như trong mê sảng, nói với người tình xưa đã xuôi tay mà không còn nhớ là chung quanh cô lúc đó có rất nhiều người, có cả chị Kim Cúc là người vợ đương thời của kẻ vắn số. Chị Kim Cúc vỗ về cô Bảy :

“ Chị Bảy, trước khi xuôi tay nhắm mắt, anh còn gọi tên chị, hỏi chị ở đâu. . . “ Chị Kim Cúc không thể nói nhiều hơn nữa vì cô Bảy đã ôm chị mà khóc ngất.

Chúng tôi kéo ra ngoài hiên phòng bệnh, để dè nén xúc cảm của mình. Phải có những trái tim tuyệt vời mới chứa đựng được mối tình dang dở hàng nửa thế kỷ chưa phai. Phải có tâm hồn cao cả mới biết yêu và nén hờn ghen, chia xẻ nhau nỗi đau và an ủi cả người tình địch của mình như chị Kim Cúc vừa làm.

Anh Năm Châu nằm yên đó, xuôi tay nhắm mắt nhưng chắc là hồn phách chưa tan, chắc còn nghe được lời nói tự đáy lòng của cô Phùng Há, để yên lòng ra đi vĩnh viễn vì điều anh mong mỏi là Tình Yêu và Nghệ Thuật đã được kết tinh thành một khối ngọc trong sáng vô ngần.

Nữ nghệ sĩ tiền phong PHÙNG HÁ

Phùng Há, tên thật là Trương Phụng Hảo sanh 30 - 04 - 1911 (Tân Hợi), tại làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, Huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, đã phụng sự nghệ thuật sân



Nghệ Sĩ Phùng Há

khấu liên tục trong 80 năm kể từ vai diễn đầu tiên, năm 13 tuổi (vai Giả Thị trong tuồng Hoàng Phi Hổ qui Châu của thầy tuồng Nguyễn Văn Mạnh).

Gốc tích dòng họ Trương ở tại làng Phú Lạng, huyện Hạc San, tỉnh Quảng Đông Trung Quốc. Dưới chế độ Mãn Thanh, vì cuộc sống ngày càng khó khăn, nên con cái của họ Trương phải lưu lạc lập nghiệp ở xa. Trương Nhân Trường (cha ruột của nữ nghệ sĩ Trương Phụng Hảo) được gia đình cho đi Quảng Châu làm việc tại một vựa trái cây. Trương Nhân Trường đã quẩn pháo vào chiếc bím của người bạn,

pháo nổ văng mất bím, sợ bị tù tội mới bỏ trốn sang Việt Nam. Trương Nhân Trường đã có vợ ở bên Tàu, nhưng vì đang trốn chạy không mang theo được. Ông Trường đến Mỹ Tho làm nghề bán thịt bò. Ông cưới bà Lê Thị Mai, người làng Điều Hòa, sanh hạ được 7 người con: Trương Tích Kỳ (nam), Trương Ngân Hảo (nữ), Trương Liên Hảo (nữ), Trương Tích Huy (nam, đã chết lúc nhỏ), Trương Tích Trung (nam), Trương Phụng Hảo (nữ), Trương Nguyệt Hảo (nữ).

Trương Phụng Hảo sau này trở thành đệ nhất tài danh sân khấu cải lương Việt Nam. Bà Lê Thị Mai thường gọi Trương Phụng Hảo là Phùng Há, theo tiếng gọi của làng quê Trung Quốc nên Trương Phụng Hảo lấy nghệ danh là Phùng Há để tưởng nhớ mẹ của mình.

Những lần về thăm quê hương, người đầu tiên trong các bạn bè mà chúng tôi đến thăm là cô Bảy Phùng Há. Cô cư ngụ ở chùa Nghệ Sĩ ở Gò Vấp. Cô Bảy Phùng Há là biểu tượng đáng tôn kính nhất của ngành nghệ thuật sân khấu cải lương. Cô vừa là chứng nhân, vừa là người có công lao to lớn nhất trong việc làm nên lịch sử sân khấu cải lương Việt Nam. Trong khi hàn huyên tâm sự, tôi nói rõ ý định của tôi là lần trở về thăm quê hương kỳ này, tôi muốn sưu tầm một số tư liệu để viết về cuộc đời của những nghệ sĩ tiền phong trong ngành sân khấu cải lương. Cô Bảy vui vẻ trả lời các câu hỏi của tôi:

“Thưa cô Bảy, Cô đã cống hiến trọn đời cho sân khấu cải lương, Cô Bảy có nhớ những gì về thời thơ ấu của Cô không ?”

Cô Bảy Phùng Há, mắt nheo lại, nhìn xa xôi như để gợi nhớ lại chuyện xưa, kể cho tôi nghe chuyện đời gian khổ của Cô lúc thiếu thời. Cô nói, giọng trầm buồn:

“ Theo lời kể của má tôi, cha tôi ở Việt Nam làm ăn rất phát đạt. Ông làm chủ một nhà máy cưa, một lò gạch và có trại chăn nuôi với hơn 100 con bò. Theo tập tục của giòng

họ, cha tôi là con trai trưởng, nên khi má tôi sinh hạ được đứa con nào vừa biết nói bập bẹ cũng đều phải đưa sang Hạc San cho bà chánh thất nuôi để học chữ Tàu, kế thừa giềng mối của gia tộc. Các anh các chị của tôi đều được gửi về quê ở Quảng Đông. Có người ở lại luôn bên đó. Lúc tôi được 4 tuổi, cha tôi đau yếu luôn nên cha tôi gọi anh hai tôi, Trương Tích Kỳ, trở về Việt Nam để giúp cha tôi quán xuyến việc làm ăn. Năm tôi lên 5 tuổi thì cha mất. Má tôi dẫn mấy anh em tôi đưa hài cốt cha về Hạc San an táng và ở lại thọ tang cha tôi. Mấy tháng sau ở Hạc San có bệnh đậu mùa. Em gái tôi, Trương Nguyệt Hảo mắc bệnh, chết lúc mới được 4 tuổi. Tôi may mắn còn sống sót nhưng mặt bị rỗ hoa mè. Sau đó má tôi đưa chúng tôi trở về Việt Nam. Đến năm tôi 11 tuổi, má tôi bị bên nhà chồng bắt buộc nên phải đưa tất cả các anh chị em tôi trở về Hạc San. Lúc đó, anh hai tôi đã cưới vợ và dắt vợ về Việt Nam để cai quản cái gia sản của cha tôi để lại. Người chị thứ tư của tôi, Trương Liên Hảo lấy chồng là con trai của một người hào phú ở Quảng Đông, họ Lý. Má tôi chịu không nổi cái tập tục, nghi lễ phong kiến bên Tàu mà người vợ thứ phải tuân theo đối với bà chánh thất, nên má tôi khóc hoài, muốn trở về Việt Nam mà bà không có tiền. Người chị thứ tư của tôi, Trương Liên Hảo lén bán tư trang, mua vé tàu cho má tôi và tôi trở về Việt Nam.

Khi má con tôi về đến nhà ở Mỹ Tho, anh hai tôi chẳng những không mừng mà còn kiếm chuyện gây gổ với má tôi. Anh nghiền thuốc phiện và muốn một mình thao túng cái gia sản của cha tôi nên thốt ra nhiều lời bất hiếu với má tôi. Được biết anh mưu đồ, mua vé tàu và nhờ người đưa hai má con tôi trở về Hạc San, nên má tôi dẫn tôi về ở với bà ngoại ở làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, Mỹ Tho. Đây là bắt đầu một cuộc sống mới và cũng là bước ngoặt trong đời tôi.

“Thưa Cô, như vậy thì cơ duyên nào đưa Cô vào con đường sự nghiệp cầm ca? “
Phải tin có sự an bày của Tổ nghiệp! Khi về sống bên ngoại thì bà ngoại tôi đau mắt, không tiền thang thuốc nên bị mù. Má tôi đau buồn, bệnh tật thường xuyên. Tôi đến nhờ anh tôi giúp nhưng anh không ngó ngàng gì đến má và em. Tôi phải đi mò lạch, kiếm cá, tép, làm cái ăn nuôi mẹ. Bà Di Tư trong xóm thương tình, dẫn tôi tới lò gạch ông Bang Hoạch xin in ngói. Cứ in được 100 viên thì được 3 xu. Tôi làm không quen, buồn quá nên vừa làm vừa ca nghêu ngao cho đỡ buồn. Không ngờ mọi người xung quanh nghe thích quá, mới bảo tôi ca cho họ nghe rồi họ phụ dìm tôi in gạch để có tiền nuôi mẹ. Ông Bầu Hai Cu, chủ tiệm vàng ở Mỹ Tho, lập gánh hát lấy tên là Tái Đồng Ban, ông nghe đồn có cô bé xấp xỉ ở lò gạch ca hay nên đích thân ông tới tìm. Ông Bầu Hai Cu bảo nếu tôi chịu về Tái Đồng Ban, mỗi đêm diễn sẽ được phát lương 8 cắc. Ông Bầu cho mượn trước 50 đồng để lo thuốc thang cho bà ngoại và má tôi. Khi đi diễn gánh hát có cho ăn cơm ngày hai bữa. Đối với tôi như vậy là cả một cái gia tài to lớn rồi, vì đi in gạch thì mỗi ngày tôi kiếm chưa được tới một cắc. Tôi theo gánh Tái Đồng Ban, được anh Tư Chơi (lúc đó là nhạc sĩ) dạy tôi ca. Ông Năm Mạnh (thầy tuồng Nguyễn Công Mạnh) và anh Năm Châu dạy tôi hát. Thành phần gánh Tái Đồng Ban, bên đào có: Phùng Há, Ba Nhân, Ba Liên, Năm Phụng, Hai Quờn (sau là vợ anh Ba Du). Bên kép có: Năm Châu, Tám Mẹo, Ba Du, Tư Út, Từ Anh, Hai Bông, Năm Ty. Anh

Tư Chơi lúc đó là nhạc sĩ đàn đàn. Sau này tôi mới biết, do chị Năm Phỉ không về được Tái Đồng Ban nên ông Bầu Hai mới tìm người hát chung với anh Năm Châu. Tôi may mắn mới được thế chị Năm Phỉ. Chị Năm Phỉ lớn hơn tôi 4 tuổi.

Thư Cô, có phải là từ Tái Đồng Ban nảy sanh ra « Đôi Bạn Tình Năm Châu



Phùng Há»

-« Mọi tình đầu của tôi là nghệ sĩ Tư Chơi (tên thật là Huỳnh Thủ Trung). Ông là người chồng đầu tiên của tôi. Chúng tôi ăn ở với nhau có được một đứa con gái là Bửu Trân. Cháu mất năm 1959, mới có 33 tuổi. Anh Năm Châu là người thầy, người bạn tình, người bạn diễn hết sức tâm đắc của tôi. » . . .

Cô Bảy Phùng Há có vẻ đăm chiêu, ánh mắt mơ màng nhìn ra phía nghĩa trang, tôi theo ánh mắt của Cô, đoán biết Cô đang nghĩ tới người bạn tình đã mất, người mà Cô vừa nhắc đến với lời lẽ hết sức xúc động, bi thương. Tôi nháy mắt ra hiệu cho anh họa sĩ Hoài Nam, đang cầm máy quay phim để anh thu hình

ảnh và những lời tâm sự hiếm có này của một bậc tài danh độc nhất vô nhị của giới sân khấu cải lương. Cô Bảy đắm chìm trong nỗi nhớ riêng tư . . .

-« Ngày đó, khi tôi lấy chồng, ẰNH đột ngột rời gánh Phụng Hảo, nghe đâu đi Hà Nội một thời gian . . . Khi đó gánh Phụng Hảo hát ở Nam Vang, tôi chưa tới 30 tuổi. . . Tôi quyết định lấy chồng để cả hai chúng tôi có thể dứt khoát. Người ta đưa cho tôi lá thư “ Ằnh “ gửi trước khi đi, không một lời từ biệt. Lá thư đó là 12 câu vọng cổ, là tất cả tâm tình của “ Ằnh “ . . . trong từng câu, từng lời, tôi hiểu Ằnh rất buồn bực, thất vọng và trách móc tôi rất nhiều . . . Nhưng cho dù có hiểu nhau, thương nhau đến mấy, cũng bằng không thôi, số phận như vậy rồi . . . (Cô Bảy có lẽ quên rằng chúng tôi đang có mặt ở đó, Cô ca bằng cả tâm hồn của Cô hướng về người tình xưa)

1. Ngàn dặm xa trong cánh nhạn xòe . Cứ mỗi độ báo tin, sương mờ mịt ngọn khói lam . Nghi ngút tỏa bung lung trên các hàng thành quách cũ .

2. Lơ lửng lá vàng rơi, thoang thoang gió heo may, đưa hương vị cố nhân về, đánh thức bao ký vãng xa xăm mà ta đã cùng hưởng chung với nhau ở giữa đất phong trần .

3. Lòng bỗng rạo rức băn khoăn vội vàng tạ liễu từ hoa, ân cần giao trả lại cho nước non, rồi xếp gió trăng thơ mộng, vùn vụt bánh xe lăn trong muôn dặm tử phần .

4. Bồi hồi lòng mong mỏi, xé không gian tìm dấu cũ . Nặng nề lòng nhớ nhưng mền tưởng, đình ninh cái câu tao ngộ ta sẽ cùng sót chia nhau mà trang trải nợ nần .

5 - Nào dè đâu thời gian đã tàn phá bức tranh tình . Mùi đã lạt, tình đã phai, cùng cố nhân tuy gần nhau trong gang tấc mà cách xa nhau như núi Sở sông Tần .

6 - Ánh thái dương đương sáng lạng trong veo từng bùng hoa cỏ đơn, bỗng thành linh đầu cơn gió vụt, đám mây vẩn, ôi cố nhân ơi, sao nở để tay hèn nâng phẩm tiên ?

7 - *Bây giờ đây tui có đi hay ở cũng lỡ làng rồi, mảnh hương nguyên đốt không thơm, tơ loan chùng phím trúc . Thơ ngày xưa đã lạc, mộng ngày xưa đã tan . Gió trúc cuốn xa, trăng tà chiếu bóng .*

8 - *Ngao ngán nỗi đường xa quán khách, bây giờ có ra đi thì sức mỗi chân chùng, nhưng hoa còn đâu, liễu còn đâu ? Nước non đã bao phen nắng vàng mưa bụi thì biết bao năm đã hỏi liễu tâm hoa .*

9 - *Mờ mịt ánh trăng mây lòng hơi chùng dưới gối . Chiếc nhạn trong sương nhiều khi tràn trụa chảy, không ngăn dòng máu nổi dòng châu . Giọt lờ pha giọt đậm .*

10 - *Nhìn trộm cố nhân đang vui tươi bỗng thăm đạm, đang cười cợt bỗng âu sầu nhưng hoa kết gót sen, vàng bao thân ngọc, nhẹ nhàn cố nhân thoang thoát lượn như con chim hoàng oanh sáng tối hát rồi ca .*

11 - *Âm ỉ sống bên mê, rạt rào mưa khóm trúc, chiếc khăn tàn, con ma đại cứ lầm lũi đi trên con đường gió bão . Kìa ai ơi, một hồn quê mà ai đã sa đà .*

12 - *Cõi lòng đang hăm hở vui tươi bỗng đượm lầy một dòng sầu man mác . Giữa độ đầu xanh tuổi trẻ mà tâm khảm vì ai pha máu lạnh cho đến đổi nét xuân tươi mà nay tôi đã hóa ra căn cõi héo già .*



Lữ Bố – Phùng Há

Dù đã hơn nửa thế kỷ qua . . . sáu mươi năm dài đăng đẵng, 12 câu vọng cổ già biệt vẫn không phai trong ký ức của Cô Bảy . . . 93 tuổi đời, giọng đã run, ca không còn rõ nhịp, nhưng từng lời, từng câu cứ tuôn tràn theo cảm xúc . . .

Từ khi nổi tiếng là một ngôi sao tài sắc, biết bao là vương tôn công tử và khách mộ điệu cái lương thâm yêu trộm nhớ, si mê Cô Bảy, tôn vinh Cô . Nhưng có lẽ, trong cuộc đời của Cô Bảy, trong những mối tình có thật và mơ hồ ấy, có “ Một Mối Tình Không Bao Giờ Phai

Lạt “ . Dầu người đàn ông ấy đã về cõi vĩnh hằng nhiều năm rồi và Cô Bảy đã 93 tuổi - Cái tuổi hầu như khó thể nhớ về một thuở đã quá xa thì Cô Bảy vẫn không quên . Cô vẫn nhớ . . . Nhớ hầu như tất cả những đoạn trường, trái ngang, nghịch cảnh giữa hai người, nhớ cả lời già biệt của người xưa cách đây đã hơn 60 năm .

Nước mắt lãn dài trên đôi má, môi run run , Cô cắn môi như muốn ngăn để không bật lên tiếng khóc . Vợ tôi vội ôm Cô, vỗ nhẹ trên lưng :

” Cô Bảy ! Cô đừng xúc động quá ! Cô khóc sẽ làm mệt, sẽ bệnh đó “ . . .

Cô Bảy nghẹn ngào :

” Tôi vui lắm! Tôi ca cho Ảnh nghe để Ảnh biết là cho tới bây giờ tôi vẫn còn yêu Ảnh . . . “

Chung quanh Cô Bảy, nhiều tiếng khóc ồ lên. . . Thanh Thanh Hoa, Nam Hùng, Tô Kim Hồng, Đỗ Quyên, Hoài Thanh . . . những đứa học trò thân yêu của Cô Bảy và anh Năm Châu, không sao ngăn được tiếng khóc khi nghe kể lại mối tình dang dở xưa kia của Thầy và Cô .

Phải có một trái tim tuyệt vời, một tâm hồn cao cả mới chứa đựng được khối tình muôn thuở không phai. Có lẽ, phải, có lẽ mối tình của Cô Bảy và “ người Ấy “ mãi mãi đẹp, chính bởi vì đang dở .

“ Thừa Cô Bảy, Cô có nhớ những giai thoại vui trong cuộc đời 80 năm trên sân khấu của Cô không ?

« Chuyện vui thì nhiều lắm . . . Kỷ niệm khi tôi đi Pháp, hát Phụng Nghi Đình với Kim Cương ở quán ăn “ Table des mandarins “, hay khi tôi đi du lịch bên Nga, một mình độc diễn lớp “ An Lộc Sơn về thăm Dương Quý Phi ở Mã Ngôi “. . . À, tôi nhớ rồi! Chuyện miếng ngọc bể còn lộng kiếng để ở nhà Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu Tương Tế ở đường Cô Giang . . . Chuyện này anh Ba cũng biết, cũng có mặt hôm đó, anh kể cho các cháu nghe đi ! »

(Dù tôi nhỏ tuổi hơn Cô Bảy, nhưng khi nói với tôi, bao giờ Cô bảy cũng dùng tiếng Anh để gọi tôi. Có lẽ vì tôi là soạn giả (thầy tuồng), đối với các anh Viễn Châu, Hà Triều - Hoa Phượng, Kiên Giang, Hoàng Khâm, Cô Bảy vẫn dùng tiếng Anh để gọi, để nói chuyện)

Được sự gợi ý của Cô Bảy, tôi xin kể lại một giai thoại sân khấu mà các nghệ sĩ thế hệ của tôi khó có thể quên :

Năm 1958, 10 năm sau khi Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ được thành lập, Hội có dịp đón tiếp phái đoàn văn nghệ Ấn Độ và hai nghệ sĩ sân khấu tài danh Trung Quốc: Mã Sư Tăng và Hồng Tuyến Nữ qua thăm Việt Nam, trao đổi nghệ thuật. Cô Bảy Phùng Há lúc đó là Hội trưởng, cùng Ban chấp hành Hội (Năm Châu, Duy Tân, Bầu Long, Út Trà Ôn. . .) tiếp đón Mã Sư Tăng và Hồng Tuyến Nữ tại trụ sở Hội. Cùng có mặt trong buổi đón tiếp long trọng đó có hầu hết các ký giả kịch trường, soạn giả, các diễn viên nam nữ nổi tiếng của các đoàn Thanh Minh, Kim Chung, Khánh Hồng . . .

Qua thông dịch viên, Mã Sư Tăng và Hồng Tuyến Nữ ngỏ lời ngưỡng mộ các nghệ sĩ Việt Nam, nhất là Năm Châu và Phùng Há mà báo chí Hồng Kông có nhiều bài ngợi khen. Ông Mã giới thiệu vài đoạn ca trong hí khúc Trung Quốc. Mã Sư Tăng nói:

« Mỗi thời đại Trung Quốc có một nền văn học tiêu biểu cho thời đại đó, như:

Sở có Tao (Ly Tao)

Hán có Phú

Đường có Thơ

Tống có Từ

Nguyên có Khúc .

Nói đến Khúc thì **hí khúc** tức là tuồng hay kịch cổ điển là chủ yếu. Lần này qua Việt Nam được sự bảo trợ của Hoa Kiều Tương Tế Hội, nên đôi danh tài Mã Sư Tăng và Hồng Tuyến Nữ sẽ hát mấy xuất hát ở rạp Đại Quang, đường Tổng Đốc Lộc, để gây quỹ cho Hoa Kiều Tương Tế Hội. Ông mời hai nghệ sĩ tài danh Việt Nam: Năm Châu, Phùng Há và tám người trong Ban chấp hành và đại diện báo chí kịch trường đến xem vở “ *Đậu Nga Oan* , vở hí khúc hay mà Mã Sư Tăng thủ diễn vai “ *Đậu Thiên Chương*

“ (vai cha) và Hồng Tuyền Nữ thủ vai “ *Đậu Doan Vân* “ (tức Đậu Nga, con gái của Thiên Chương). Tám người được đi dự gồm có anh Tư Trang, Bàu Long (Kim Chung), Nguyễn Phương, Thu An (đại diện phân bộ soạn giả), Trần Tấn Quốc (báo Tiếng Dội), Nguyễn Ang Ca (báo Sài Gòn Mới), Tô Yến Châu (báo Tiếng Chuông) và Phùng Mậu (báo Thời Cuộc).

Sau phần giới thiệu về hí khúc Trung Quốc, Mã Sư Tăng dùng bút Tàu (cọ thật lớn mà ông đem theo và mực Tàu mài sẵn đựng trong lọ), ông viết hai chữ triệu thật lớn, thật đẹp để nghệ sĩ Việt Nam lưu niệm. Chữ Mã, ông viết phóng tay như con thiên lý mã tung vó cuốn bụi mù và chữ Hồng, đẹp bay bướm như hoa đào lả lơi trước gió. Hai chữ Mã và Hồng là họ của hai nghệ sĩ tài danh Trung Quốc:

Mã Sư Tăng và Hồng Tuyền Nữ, được lồng kiếng, treo trang trọng trong trụ sở Hội, đến nay vẫn còn được giữ gìn như một bảo vật.

Để đáp lại, phía nghệ sĩ Việt Nam không có chuẩn bị giới thiệu ngành sân khấu Việt Nam và nghệ thuật biểu diễn, anh Năm Châu đành phải xuất trận. Đại khái anh nhắc lại lịch sử thời kháng Nguyên Mông, có bắt được kếp hát Lý Nguyên Cát, đã dùng ông này để truyền nghề hát cho binh sĩ Việt Nam thời đó. Lúc bài Mãn phục Minh, người Minh Hương bên Tàu chạy qua Hà Tiên, Mỹ Tho, Đồng Nai, có mang theo nghệ thuật hát Quảng mà dân chúng rất ưa thích. Thời Nguyễn, tướng quân Lê Văn Duyệt có đoàn hát bội, hát tuồng, có nghệ nhân Hứa Văn và Đào Tấn hát hay, soạn tuồng giỏi, và đặc biệt ở miền Nam đã có những lối hát, hò, lý, nói thơ . . . Đến thời đại gần đây được du nhập thêm kịch Pháp, kịch Anh. Nhưng nói chung dù du nhập từ Trung Quốc hay của Tây, của Anh, tất cả các điệu hát, lối hát đến Việt Nam đều được Việt Nam hóa hết, cái nào không biến thành Việt Nam đều bị đào thải.



8 Lữ Bố, học trò của Nghệ sĩ Phùng Há

Anh đưa thí dụ nhạc guitare của Tây Ban Nha, khi móc phím thì đàn được nhạc Việt Nam, nói được tiếng Việt Nam, đàn violon khi lên giây theo ngũ cung thì cũng đàn vọng cổ và bài bản Việt Nam, còn các nhạc cụ như kèn lá, hầu cuốn, chập chỏ, bặt, v v . . . dần dần không còn dùng trong ca nhạc và sân khấu Việt Nam. Các bài ca Tiều, Quảng, như Tây Thi Quảng, Xang Xừ Lúu, Khốc Hoàng Thiên thì đã được ca theo lối Việt Nam, có âm sắc Việt Nam. Người Trung Hoa khi ca các bài trên đây, những đoạn ngân dài, hơi cao thì dùng tiếng “ A . Á . À . A . A “, người Việt ca ngân dài và hơi cao

thì “ Ô, Ồ, Ô, Ô, Ô, “ Bài nào mà “ Ô “ nghe không êm tai thì bài đó uống tử, chết non trên sân khấu Việt Nam, thí dụ bài Xái Phỉ thường dùng để ca điều quân khiển tướng thì « Ô » nghe không được, bài đó hết được xài đến. Hát tuồng Tàu, tích truyện Tàu, nhưng theo phong cách Việt, mang tâm sự nỗi niềm theo kiểu Việt Nam .

Anh Năm Châu thao thao bất tuyệt, báo hại hai thông dịch viên trẻ, một nam, một nữ, thay phiên nhau, hỗ trợ nhau để thông dịch lại bằng tiếng Quan Thoại. Có những lúc tôi thấy hai cô cậu thông dịch nói sùi bọt mép, có lúc nói bằng cả hai tay, ra dấu, có lúc như cà lăm, không biết dịch có đúng không mà thỉnh thoảng cô Bảy phải chen vào vài câu tiếng Quảng Đông để nói rõ ý của anh Năm Châu. Hồng Tuyến Nữ thì luôn miệng nói “ Hào a . . . Hào a . . . “ (tốt) Khi nghe cô Bảy nói tiếng Tàu thì Hồng Tuyến Nữ cười:

” Xế xế nị . . . “ (cảm ơn). Anh Năm Châu ngưng nói, hai cô cậu thông dịch viên thở một hơi dài khoan khoái, lấy khăn tay lau mồ hôi trán (dù phòng họp có nhiều quạt máy).

Mã Sư Tăng ghi chú này giờ, buông viết, vỗ tay, Hồng Tuyến Nữ và mọi người cùng vỗ tay (không hiểu vỗ tay khen anh Năm Châu lanh trí, ứng phó hay, hiểu biết nghề nghiệp rành rọt hay là vỗ tay mừng cho hai cô cậu thông dịch viên khỏi bị khảo tra về chữ nghĩa) Tôi nói với Thu An :

” *Đừng bao giờ học làm thông dịch viên, hãy nhớ cái gương bị chữ nghĩa tra khảo của hai cô cậu đó nhe ! “*

Cô Bảy Phùng Há được anh Năm Châu giới thiệu diễn lớp “ *Lữ Bố hí Điêu Thuyền* “. Kim Cương được mời đóng vai Điêu Thuyền một cách bất ngờ. Dù không có hóa trang,

không xiêm y mũ mào, không cả trống phách, nhạc thì chỉ có cây đàn kìm (Năm Châu đàn), đàn cò (Năm Bửu kéo) để hỗ trợ, cô Bảy Phùng Há và Kim Cương, một già một trẻ diễn tận tình như đôi tình nhân say đắm, như bướm vờn hoa, hoa lơ lửng bướm. . . Lữ Bố Phùng Há lúc bước đi, khi khoa tay hùng dũng, dáng vẻ oanh oanh liệt liệt, lúc trêu đùa, khêu tay, liếc mắt thì đa tình hết chỗ nói! Tôi lầm bầm :

” *Dê như kiểu Lữ Bố dê Điêu Thuyền là dê đạo lộ, dê quá cỡ . “* Ngọc Hương liếc mắt nhìn Thu An, nói :

” *Hồi nằm, ổng dê tui như vậy đó “* Thu An mắc cỡ, “ *Ê ! Để coi, đừng nói xàm “*.

Trên sân diễn, Điêu Thuyền cũng đa tình không kém. Kim Cương nhỏng nhẻo, cười e thẹn, mắt lúc đa tình, lúc thì tỏ ra lo âu như sợ Đổng Trác tới bất ngờ. Kim Cương đứng là kỳ nữ, duyên dáng, đa tài, diễn nhịp nhàng, tung hứng

ngoạn mục với vị danh sư Phùng Há. Không biết Mã Sư Tăng đánh giá như thế nào về lời phát biểu của anh Năm Châu và phần biểu diễn của cô Bảy Phùng Há và Kim Cương, chỉ thấy ông ta chăm chú nghe, ghi bút ký bằng chữ Tàu khi anh Năm nói và



Kim Cương – Phùng Há
Điêu Thuyền - Lữ Bố

buông viết, múa tay, gật đầu, liếc mắt như đang cùng diễn với cô Phùng Há, Hồng Tuyền Nữ cũng múa may nhẹ nhàng, miệng “Á. . A. . “ hát theo lối của bà ta, cũng liếc mắt, ẹo qua, ẹo lại. . . như cùng Mã Sư Tăng thả hồn mộng theo vai diễn Điều Thuyền - Lữ Bố. Tiếng vỗ tay như pháo nổ chấm dứt màn diễn mà Phùng Há - Kim Cương, Mã Sư Tăng - Hồng Tuyền Nữ vẫn còn ngây ngất bàng hoàng. Họ như còn chơi với trong khung trời mộng ảo của mối tình trai tài gái sắc ngàn năm trước .

Đêm hát vở “ *Đậu Nga Oan* “, tại rạp Đại Quang, Chợ Lớn đông nghẹt khán giả. Mã Sư Tăng và Hồng Tuyền Nữ cất băng khai mạc đêm hát gây quỹ bằng hai cái kéo bằng vàng y, mỗi cái 5 lượng vàng ròng mà Hoa Kiều Tương Tế Hội đặt làm để tặng cho đôi tài danh Mã - Hồng. Nhưng hai tài danh này đã có một cử chỉ rất đẹp, sau khi cất băng, nhận kéo vàng, cảm ơn Hội, liền tuyên bố tặng kéo vàng lại giúp Hội Hoa Kiều Tương Tế Hội và mong khán giả người Hoa góp tặng thêm cho quỹ Hội được dồi dào hơn nữa.

Chưa bước ra sân khấu mà hai tài danh Mã - Hồng đã được khán giả vỗ tay ngợi khen hành động đẹp của họ. Tiếng vỗ tay rất dài, rất lâu, lại được phụ họa bằng tiếng hoan hô nhịp nhàng, đầy nhiệt tình, đầy khí thế. Đèn khán phòng bỗng vụt tắt. Tiếng trống, chập chỏa, đồng lối, não bạt đánh một chập, chói tai, đỉnh óc, báo hiệu màn hát bắt đầu. Đèn sáng dần, khán giả cũng im dần. Tiếng đàn tam thập lục, đàn gáo tấu lên một khúc nhạc êm êm, tiếng sáo hòa theo nghe vi vu như gió lay mảnh lá. Mã Sư Tăng trong y phục nho sinh nghèo, vai mang lều chõng đi thi, thất thủ bước ra. Một tràng pháo tay chào nghệ sĩ tài danh rồi khán phòng được trả lại sự im lặng. Mã Sư Tăng cất tiếng hát, buồn thảm, nghe chơi với mệnh mang như tiếng kêu của một con mỉnh hoang lạc trong rừng thẳm. Ông hát :

” Ta họ Đậu, tên Thiên Chương, thông kinh sử thi thư, khổ nổi thời vận chửa thông, công danh chẳng đạt, vợ lại qua đời nên dẫn con gái lưu lạc đến châu Sở này ! Ta muốn vào kinh ứng thí, muốn có lộ phí dành cho con cho lão Thái làm dâu . . . Nói làm dâu, chớ thực ra là bán con đó con ơi . . . “

(ca) “ Ngã đã chỉ vì vô kế doanh sinh bích bản, Nhân thử thương cát xả đắc thân nhi tại lưỡng xử phân. Tòng kim nhật viễn tiền Lạc dương trần, Hựu bất tri qui kỳ định chuẩn. Tác lạc đích vô ngữ ám tiêu hồn “ (tạm dịch) . . . “ Nghèo vì không kế kiếm ăn, chịu phân ly bỏ rơi con như thế này. Lạc dương vương bụi trần ai. Làm sao biết được có ngày về không ? Một thân đau xót chập chông “

Tiếng hát của Mã Sư Tăng nghe như có tiếng nước mắt rào rạt trong lòng. Đâu đó nghe tiếng khóc sùi sùi của khán giả. Một tràng pháo tay nổi lên khen Mã tiên sinh. Tài danh họ Mã liếc mắt nhìn xuống hàng ghế danh dự của khách Việt Nam. Tôi dõi theo ánh mắt của Mã Sư Tăng. . . Mọi người đều vỗ tay nhiệt liệt. Anh Năm Châu, Tư Trang, Trần Tấn Quốc, Thu An, tôi và các bạn đều nhiệt tình vỗ tay, trừ cô Bảy Phùng Há! Vâng! Trừ cô Bảy Phùng Há đang trân trân nhìn Mã Sư Tăng, mắt âu lo, mắt băn khoăn, mắt bàng hoàng. . . Cô Bảy nghĩ gì mà quên vỗ tay vậy? Và tôi chợt phát hiện ra . . . Mã Sư Tăng cũng phát hiện ra. . . Ông ta thủ vai một thư sinh nghèo, không tiền đi ứng thí đến độ phải bán con, vậy mà trên tay vẫn còn đeo một vòng ngọc thạch quý

giá. Vòng ngọc thạch màu xanh thắm có vân mây, đáng giá bảo ngọc trân châu. Trong phút giây này, vòng ngọc thạch bỗng biến thành chiếc cồng vô duyên, xích tay chàng nghệ sĩ hào hoa họ Mã.

Thật không hổ danh bậc thầy trong nghề hát, Mã Sư Tăng bình tĩnh, đưa tay cao, nhìn sẵn vòng ngọc thạch và hát cương một đoạn tài tình:

" Hỡi ngọc thạch, báu vật gia truyền của mấy dòng họ Đậu . . . đến đời ta, hoạn lộ mãi long đong, mỗi lần nhìn mi, ta lại đau lòng, nhớ lòng kỳ vọng của huyền đường khuất núi. Ôi, ta đã phụ người! Ta đã phụ ta! Phải hủy đi vòng ngọc với lời thề son sắt, quyết đạt thành ý nguyện của cha mẹ ta nơi chín suối "

Hát xong, ông đập mạnh tay nơi góc bàn, vòng ngọc thạch vỡ tan. Cô Bảy Phùng Há bật dậy như bị điện giật, vỗ tay rất mạnh. Cả khán phòng, khán giả cũng vỗ tay. . . Tôi nghĩ khán giả người Hoa và anh em đại biểu Việt Nam đều thông cảm chỗ sơ xuất của Mã Sư Tăng lúc đầu và khâm phục cách ông ta chữa lỗi. Trong khi đó Mã Sư Tăng như không có gì xảy ra, tiếp tục ca:

" Mang mang đại mộng trung, Duy ngã độc tiên giác " (trong mộng lớn mênh mang, một mình ta biết trước .)

Tiếng cô thông dịch viên vẫn đều đều, không có vẻ gì nhấn mạnh ý nghĩa câu hát, nhưng tôi nghe vang dội trong lòng:

Mang mang đại mộng trung. Duy ngã độc tiên giác. Phải chăng câu hát nhấn nhủ riêng với cô Phùng Há:

Ta biết lỗi ! Ta đập vòng ngọc để tạ bạn tri âm “. Ôi ! chiếc vòng ngọc, trị giá cả triệu đồng lúc đó, cả một cái gia tài đồ sộ đối với nghệ sĩ Việt Nam, vì để bảo vệ danh dự cá nhân hay vì tôn trọng nghệ thuật mà ông Mã đang tay hủy hoại bảo vật của mình? Dù sao thì trong trang sử nghệ thuật sân khấu, hành động của Mã Sư Tăng cũng là một viên ngọc sáng ngời, chói chan phẩm cách của một tài năng lớn.

Trước khi tiễn hai danh sư nghệ thuật sân khấu trở về Trung Quốc, cô Bảy xin một miếng bẻ của vòng ngọc thạch để đóng khung lưu niệm tại trụ sở Hội Ái Hữu Sân Khấu.

Trong khi tôi viết lại giai thoại này, thì có lẽ hai tài danh Mã Sư Tăng và Hồng Tuyến Nữ đã ra người thiên cổ, nhưng những bảo vật lưu niệm tại trụ sở Hội Ái Hữu Tương Tế vẫn còn đó. Các nghệ sĩ Việt Nam ra vô nhà Hội, nhìn thấy bút tích và miếng ngọc thạch bẻ của Mã sư phụ, chắc chắn trong lòng mỗi chúng tôi đều dâng lên niềm yêu kính và chúng tôi cũng hãnh diện được có một danh sư, một đại thụ của ngành mình: đó là nghệ sĩ tài danh Phùng Há .

Phùng Há không có điều gì ước riêng cho mình. Gần 80 năm qua, ai cũng biết cô Bảy Phùng Há đã cống hiến trọn đời cho nghệ thuật, đã cống hiến công sức để làm việc từ thiện, giúp đồng bào nghèo, hoạn nạn, thiếu đói và giúp các nghệ sĩ kém may mắn hơn mình .

Có mấy ai trên cõi đời này, đến tuổi của Phùng Há mà lại có cuộc sống tràn đầy ý nghĩa như vậy ?